

UBND TỈNH NGHỆ AN
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

HỎI ĐÁP

CÁC NỘI DUNG THUỘC LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

LỜI NÓI ĐẦU

Nhằm làm rõ các nội dung trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Sở Thông tin và Truyền thông soạn thảo Bộ Hỏi đáp các nội dung thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông.

Bộ Hỏi đáp gồm 3 phần:

Phần I. Hỏi đáp những vấn đề chung về xây dựng nông thôn mới.

Phần II. Hỏi đáp các nội dung, tiêu chí về tiêu chí thông tin và truyền thông.

Phần III. Các nội dung hỏi đáp khác có liên quan.

Bộ Hỏi đáp được soạn thảo trên cơ sở các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của các cấp, ngành từ Trung ương đến địa phương và các nội dung liên quan đến thực hiện tiêu chí thông tin và truyền thông tại Nghệ An.

Tài liệu này có thể chưa toàn diện các vấn đề, vì vậy, Sở Thông tin và Truyền thông rất mong người đọc tham gia góp ý để Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung một cách đầy đủ.

Xin trân trọng cảm ơn!

PHẦN I. HỎI ĐÁP NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1. Câu hỏi 1: Chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết nào?

Trả lời:

Chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 được Quốc Hội phê duyệt tại Nghị quyết số 25/2021/QH15. Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 28/7/2021.

2. Câu hỏi 2: Mục tiêu tổng quát của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trong Nghị quyết số 25/2021/QH15 của Quốc hội là gì?

Trả lời:

Tiếp tục triển khai Chương trình gắn với thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, quá trình đô thị hoá, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và nông thôn mới cấp thôn, bản. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, thúc đẩy bình đẳng giới. Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và từng bước hiện đại, bảo đảm môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hoá truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

3. Câu hỏi 3: Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trong Nghị quyết số 25/2021/QH15 của Quốc hội là gì?

Trả lời:

- Phần đầu cả nước có ít nhất 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó, ít nhất 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, không còn xã đạt dưới 15 tiêu chí; tiếp tục xây dựng nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu đối với các xã, huyện, tỉnh đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; thu nhập bình quân của người dân nông thôn tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020;

- Phần đầu cả nước có ít nhất 50% huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, trong đó,

ít nhất 20% số huyện đạt chuẩn được công nhận là huyện nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới kiểu mẫu. Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có ít nhất 02 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới;

- Phần đầu cả nước có ít nhất 15 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

- Phần đầu 60% số thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc (sau đây gọi là thôn) thuộc các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo các tiêu chí nông thôn mới do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

4. Câu hỏi 4: Phạm vi và thời gian thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trong Nghị quyết số 25/2021/QH15 của Quốc hội là gì?

Trả lời:

- Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn nông thôn của cả nước, bao gồm: các thôn, các xã, các huyện, các thị xã và thành phố thuộc tỉnh có xã của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Thời gian thực hiện Chương trình: từ năm 2021 đến hết năm 2025.

5. Câu hỏi 5: Những nội dung trong Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Chính phủ là gì?

Trả lời

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi tắt là các bộ, cơ quan trung ương), Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ quy định tại Nghị quyết số 25/2021/QH15 của Quốc hội và theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, khẩn trương triển khai các nhiệm vụ sau:

1. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 25/2021/QH15 của Quốc hội.

2. Rà soát, xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý và điều hành, các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình.

3. Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo đúng quy định tại Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện hiệu quả các tiêu chí nông thôn mới và các chương trình chuyên đề trọng tâm trong giai đoạn 2021 - 2025 sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

5. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, lãng phí, xử lý nghiêm các vi phạm trong quá trình thực hiện Chương trình.

6. Câu hỏi 6: Mục tiêu tổng quát trong Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MQTG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 là gì?

Trả lời:

Tiếp tục triển khai Chương trình gắn với thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, quá trình đô thị hoá, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và nông thôn mới cấp thôn, bản. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, thúc đẩy bình đẳng giới. Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và từng bước hiện đại, bảo đảm môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

7. Câu hỏi 7: Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 trong Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MQTG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 là gì?

Trả lời:

a) Phần đầu cả nước có ít nhất 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (miền núi phía Bắc: 60%, Đồng bằng sông Hồng: 100%, Bắc Trung Bộ: 87%, Nam Trung Bộ: 80%, Tây Nguyên: 68%; Đông Nam Bộ: 95%, Đồng bằng sông Cửu Long: 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới), trong đó, có khoảng 40% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, ít nhất 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và không còn xã dưới 15 tiêu chí; tiếp tục xây dựng nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu đối với các xã, huyện, tỉnh đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; thu nhập bình quân của người dân nông thôn tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020;

b) Phần đầu cả nước có ít nhất 50% huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (miền núi phía Bắc: 30%; Đồng bằng sông Hồng: 90%; Bắc Trung Bộ: 45%; Nam

Trung Bộ: 35%; Tây Nguyên: 30%; Đông Nam Bộ: 80%; Đồng bằng sông Cửu Long: 35% số đơn vị), trong đó, ít nhất 20% số huyện đạt chuẩn được công nhận là huyện nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới kiểu mẫu. Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có ít nhất 02 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới;

c) Phần đầu cả nước có khoảng từ 17 - 19 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là tỉnh) được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (miền núi phía Bắc phần đầu có 01 tỉnh, Đồng bằng sông Hồng: 10 tỉnh, Bắc Trung Bộ: 01 tỉnh, Nam Trung Bộ: 01 tỉnh, Tây Nguyên phần đầu có 01 tỉnh; Đông Nam Bộ: 04 tỉnh, Đồng bằng sông Cửu Long: 03 tỉnh);

d) Phần đầu 60% số thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc (sau đây gọi là thôn) thuộc các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo các tiêu chí nông thôn mới do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

8. Câu hỏi 8: Các nội dung thành phần của Chương trình NTM trong Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ?

Trả lời:

Gồm 11 nội dung thành phần sau đây:

1. Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá.

2. Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền.

3. Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững.

4. Nội dung thành phần số 04: Giảm nghèo bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

5. Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn.

6. Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn.

7. Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam.

8. Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong NTM, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng NTM thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới.

9. Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM.

10. Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn.

11. Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM.

9. Câu hỏi 9: Mục tiêu, nội dung của Nội dung thành phần số 01 trong Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ?

a) Mục tiêu:

- Đạt yêu cầu của tiêu chí số 1 thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới (sau đây viết tắt là NTM), xã NTM nâng cao, huyện NTM, huyện NTM nâng cao;

- Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có 100% số xã đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch thuộc Bộ tiêu chí về xã NTM, có ít nhất 50% số xã đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao;

+ Cấp huyện: Có ít nhất 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 1 về Quy hoạch thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM, trong đó, có ít nhất 25% số

huyện đạt chuẩn tiêu chí số 1 về Quy hoạch thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

b) Nội dung:

- Nội dung 01: Rà soát, điều chỉnh, lập mới (trong trường hợp quy hoạch đã hết thời hạn) và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa theo quy định pháp luật về quy hoạch, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong đó có quy hoạch khu vực hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn. Từng bước lập quy hoạch chi tiết xây dựng (sau quy hoạch chung xây dựng xã) nhằm quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan ở khu vực nông thôn. Tập trung quy hoạch lại các khu cụm dân cư/thôn, bản tại các xã biên giới;

- Nội dung 02: Rà soát, điều chỉnh lập quy hoạch xây dựng vùng huyện gắn với quá trình công nghiệp hóa - đô thị hóa nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM, trong đó, có quy hoạch khu vực hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn;

- Nội dung 03: Xây dựng, rà soát, điều chỉnh quy hoạch tỉnh, tạo điều kiện thực hiện Chương trình gắn với phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường.

10. Câu hỏi 10: Mục tiêu, nội dung của Nội dung thành phần số 02 trong Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ?

Trả lời:

a) Mục tiêu:

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 về giao thông, tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai, tiêu chí số 4 về điện, tiêu chí số 5 về trường học, tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa, tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng nông thôn, tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông, tiêu chí số 15 về y tế, tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM;

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 về giao thông, tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai, tiêu chí số 4 về điện, tiêu chí số 5 về giáo dục, tiêu chí số 6 về văn hóa, tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông, tiêu chí số 17 về môi trường, tiêu chí số 18 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao;

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 về giao thông, tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng, chống thiên tai, tiêu chí số 4 về điện, tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục, tiêu chí số 6 về kinh tế, tiêu chí số 7 về môi trường, tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM;

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 về giao thông, tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng, chống thiên tai, tiêu chí số 4 về điện, tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục, tiêu chí số 6 về kinh tế, tiêu chí số 7 về môi trường, tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

b) Nội dung cụ thể:

- Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn xã, hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên huyện. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có 98% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 2 về giao thông theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, trong đó, có 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 2 về giao thông thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao;

+ Cấp huyện: Có 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 2 về giao thông thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM, trong đó, có 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 2 về giao thông thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 02: Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi và phòng chống thiên tai cấp xã, huyện, đảm bảo bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có 98% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, trong đó, có 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao;

+ Cấp huyện: Có 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM, trong đó, có 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 03: Cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn theo hướng an toàn, tin cậy, ổn định và đảm bảo mỹ quan. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có 98% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 4 về điện thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, trong đó, có 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 4 về điện thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao;

+ Cấp huyện: Có 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 4 về điện thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 4 về điện thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 04: Tiếp tục xây dựng, hoàn chỉnh các công trình cấp xã, cấp huyện đảm bảo đạt chuẩn cơ sở vật chất cho các trường mầm non, trường tiểu

học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đảm bảo đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 5 về trường học thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; có 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 5 về giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao;

+ Cấp huyện: Có 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM, trong đó, có 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 05: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất văn hóa thể thao cấp xã, thôn, các trung tâm văn hóa - thể thao huyện; tu bổ, tôn tạo các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch nông thôn. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, trong đó, có 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 6 về văn hóa thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao;

+ Cấp huyện: Có 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; có 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 06: Đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã; các chợ trung tâm, chợ đầu mối, trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện; trung tâm kỹ thuật nông nghiệp; hệ thống trung tâm cung ứng nông sản hiện đại. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn thuộc Bộ tiêu chí xã NTM; 70% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao;

+ Cấp huyện: Có ít nhất 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 6 về kinh tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 6 về kinh tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 07: Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ các vùng nguyên liệu tập trung gắn với liên kết chuỗi giá trị, cơ sở hạ tầng các cụm làng nghề, ngành nghề nông thôn. Đến năm 2025: Có ít nhất 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 6 về kinh tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; có 25% số huyện

đạt chuẩn tiêu chí số 6 về kinh tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 08: Tiếp tục xây dựng, cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho các trạm y tế xã, trung tâm y tế huyện. Đến năm 2025:

+ Có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 15 về y tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM;

+ 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM.

- Nội dung 09: Phát triển, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng số, chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn (theo Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ); tăng cường xây dựng cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở, ưu tiên phát triển, nâng cấp các đài truyền thanh xã có cụm loa hoạt động đến thôn và tăng cường phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện; phát triển và duy trì các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính. Đến năm 2025, có 97% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; có 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

- Nội dung 10: Xây dựng, hoàn thiện các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, đảm bảo chất lượng đạt chuẩn theo quy định. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có ít nhất 90% số xã đạt tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 18 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao;

+ Cấp huyện: Có khoảng 60% số huyện đạt tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; có 25% số huyện đạt tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 11: Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn; thu hút các doanh nghiệp đầu tư các khu xử lý chất thải tập trung quy mô liên huyện, liên tỉnh; đầu tư hạ tầng các điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt; xây dựng các mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô tập trung (cấp huyện và liên huyện), ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi

trường; đầu tư, cải tạo, nâng cấp đồng bộ hệ thống thu gom, thoát nước thải và các công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung và tại chỗ phù hợp; trong đó có phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có ít nhất 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 17 về môi trường thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao;

+ Cấp huyện: Có ít nhất 60% số huyện đạt tiêu chí số 7 về môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; có 25% số huyện đạt tiêu chí số 7 về môi trường thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

11. Câu hỏi 11: Mục tiêu, nội dung của Nội dung thành phần số 03 trong Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ?

Trả lời:

a) Mục tiêu:

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 về thu nhập, tiêu chí số 12 về lao động, tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; tiêu chí số 10 về thu nhập, tiêu chí số 12 về lao động, tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao; tiêu chí số 6 về kinh tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; tiêu chí số 6 về kinh tế, thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Đến năm 2025:

+ Có 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 10 về thu nhập; 95% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 12 về lao động; 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; có 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 10 về thu nhập; 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 12 về lao động; 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao;

+ Có ít nhất 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 6 về kinh tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 6 về kinh tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

b) Nội dung:

- Nội dung 01: Tập trung triển khai cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ theo hướng kinh tế tuần

hoàn, nông nghiệp sinh thái, phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên và hạ tầng kinh tế xã hội.

- Nội dung 02: Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp.

- Nội dung 03: Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách đầu tư bảo vệ, phát triển rừng, chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025; chú trọng đẩy mạnh phát triển các mô hình liên kết trồng rừng gỗ lớn tập trung, gắn với cấp chứng chỉ rừng bền vững; phát triển lâm sản ngoài gỗ theo thế mạnh của từng vùng.

- Nội dung 04: Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với lợi thế vùng miền, thành lập Trung tâm OCOP Quốc gia; phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn; đẩy mạnh sản xuất, chế biến muối theo chuỗi giá trị.

- Nội dung 05: Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất trong đó, ưu tiên hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao liên kết theo chuỗi giá trị; thu hút khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy thực hiện bảo hiểm trong nông nghiệp.

- Nội dung 06: Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hệ thống kết nối, xúc tiến tiêu thụ nông sản; đa dạng hoá hệ thống kênh phân phối, tiêu thụ đảm bảo bền vững trước các biến động của thiên tai, dịch bệnh, trong đó ưu tiên phát triển thương mại điện tử; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn gắn với việc đáp ứng các tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn và đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Nội dung 07: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025.

- Nội dung 08: Thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025 gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững, bao trùm và đa giá trị.

- Nội dung 09: Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường; hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn.

12. Câu hỏi 12: Mục tiêu, nội dung của Nội dung thành phần số 04 trong Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ?

Trả lời:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu của tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư và tiêu chí số 11 về hộ nghèo thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về NTM; tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư và tiêu chí số 11 về hộ nghèo thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao. Đến năm 2025, có 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư, 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 11 về hộ nghèo thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư, 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 11 về hộ nghèo thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

b) Nội dung:

- Nội dung 01: Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

- Nội dung 02: Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ nhà ở, xóa nhà tạm, dột nát; nâng cao chất lượng nhà ở dân cư.

13. Câu hỏi 13: Mục tiêu, nội dung của Nội dung thành phần số 05 trong Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ?

Trả lời:

a) Mục tiêu:

- Đạt yêu cầu của tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo; tiêu chí số 15 về y tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM. Đến năm 2025, có 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo; 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 15 về y tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM;

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 về giáo dục; tiêu chí số 14 về y tế trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao. Đến năm 2025, có 60% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 5 về giáo dục; 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 14 về y tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao;

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu

chí quốc gia về huyện NTM nâng cao. Đến năm 2025, có ít nhất 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

b) Nội dung:

- Nội dung 1: Tiếp tục nâng cao chất lượng, phát triển giáo dục ở nông thôn, trong đó, chú trọng duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục phổ thông cơ sở. Duy trì, củng cố chất lượng biết chữ mức độ 1; từng bước nâng cao tỷ lệ biết chữ mức độ 2 cho người lớn trong độ tuổi 15-60 tuổi.

- Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.

14. Câu hỏi 14: Mục tiêu, nội dung của Nội dung thành phần số 06 trong Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ?

Trả lời:

a) Mục tiêu:

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 16 về văn hóa thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM. Đến năm 2025, có 80% số xã chuẩn đạt tiêu chí số 16 về văn hóa thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 về văn hóa thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao. Đến năm 2025, có 50% số xã chuẩn đạt tiêu chí số 6 về văn hóa thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao. Đến năm 2025, có 25% số huyện đạt tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

b) Nội dung:

- Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, nâng cao sức khỏe cho người dân (nhất là trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi). Phát động các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe, văn hóa, văn

nghệ quần chúng phù hợp với từng đối tượng, từng địa phương; nhân rộng mô hình câu lạc bộ hoạt động văn hóa văn nghệ nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

- Nội dung 02: Tăng cường kiểm kê, ghi danh các di sản văn hóa; bảo tồn và phát huy di sản văn hóa; nghiên cứu, mở rộng mô hình kết nối văn hóa truyền thống và văn hóa mới, đảm bảo đa dạng về văn hóa vùng miền, dân tộc phục vụ phát triển du lịch.

15. Câu hỏi 15: Mục tiêu, nội dung của Nội dung thành phần số 07 trong Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ?

Trả lời:

a) Mục tiêu:

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM. Đến năm 2025, có ít nhất 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

- Đạt yêu cầu về tiêu chí số 17 về môi trường và tiêu chí số 18 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao. Đến năm 2025, có ít nhất 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 17 về môi trường; 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 18 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 7 về môi trường và tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM. Đến năm 2025, có ít nhất 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 7 về môi trường; có khoảng 70% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí về huyện NTM.

- Đạt yêu cầu về tiêu chí số 7 về môi trường và tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao. Đến năm 2025, có ít nhất 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 7 về môi trường; 40% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí về huyện NTM nâng cao.

b) Nội dung:

- Nội dung 01: Xây dựng và tổ chức hướng dẫn thực hiện các Đề án/Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo theo quy định; phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh;

- Nội dung 02: Thu gom, tái chế, tái sử dụng các loại chất thải (phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi, bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, chất thải nhựa...) theo nguyên lý tuần hoàn; tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa trong hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp ở Việt Nam; xây dựng cộng đồng dân cư không rác thải nhựa;

- Nội dung 03: Đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn tài nguyên;

- Nội dung 04: Cải tạo nghĩa trang phù hợp với cảnh quan môi trường; xây dựng mới và mở rộng các cơ sở mai táng, hỏa táng phải phù hợp với các quy định và theo quy hoạch;

- Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; tăng tỷ lệ trồng hoa, cây xanh phân tán gắn với triển khai Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khu dân cư kiểu mẫu;

- Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; cải thiện vệ sinh hộ gia đình;

- Nội dung 07: Triển khai hiệu quả Chương trình “Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025”.

16. Câu hỏi 16: Mục tiêu, nội dung của Nội dung thành phần số 08 trong Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ?

Trả lời:

a) Mục tiêu:

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông, tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM. Đến năm 2025, có ít nhất 97% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông; 95% xã đạt chuẩn tiêu chí số 18 về tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông, tiêu chí số 15 về hành chính công, tiêu chí số 16 về tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia

về xã NTM nâng cao. Đến năm 2025, có ít nhất 50% số xã đạt tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông; ít nhất 50% số xã chuẩn đạt tiêu chí số 15 về hành chính công; 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 16 về tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 về an ninh, trật tự - hành chính công trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM. Đến năm 2025, có 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 9 về an ninh trật tự - hành chính công thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 về an ninh, trật tự - hành chính công thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao. Đến năm 2025, 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 9 về an ninh trật tự - hành chính công thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

b) Nội dung:

- Nội dung 01: Triển khai đề án về đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, chuyên đổi tư duy về phát triển kinh tế nông thôn cho cán bộ, công chức xã theo quy định, đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM.

- Nội dung 02: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các dịch vụ hành chính công nhằm nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo hướng minh bạch, công khai và hiệu quả ở các cấp (xã, huyện, tỉnh); gắn mã, cập nhật, thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bản đồ số Việt Nam; bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin cho cán bộ cấp xã; phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn.

- Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh giai đoạn 2021 - 2025.

- Nội dung 04: Tăng cường hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết hòa giải, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn.

- Nội dung 05: Nâng cao nhận thức, thông tin về trợ giúp pháp lý; tăng cường khả năng thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý.

- Nội dung 06: Tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; tăng cường chăm sóc, bảo vệ trẻ em và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

17. Câu hỏi 17: Mục tiêu, nội dung của Nội dung thành phần số 09 trong Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ?

Trả lời:

a) Mục tiêu:

Đáp ứng yêu cầu tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM. Đến năm 2025, có 100% số xã đạt tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

b) Nội dung:

- Nội dung 01: Tiếp tục tổ chức triển khai Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”; nâng cao hiệu quả thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội trong xây dựng NTM; tăng cường vận động, phát huy vai trò làm chủ của người dân trong xây dựng NTM; nâng cao hiệu quả việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM;

- Nội dung 02: Triển khai hiệu quả phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”;

- Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025”;

- Nội dung 04: Thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế; triển khai hiệu quả Chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng NTM;

- Nội dung số 05: Vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”.

18. Câu hỏi 18: Mục tiêu, nội dung của Nội dung thành phần số 10 trong Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ?

Trả lời:

a) Mục tiêu:

- Đạt tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, xã NTM nâng cao. Đến năm 2025, có 99% số xã đạt tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; 50% số xã đạt

tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao;

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 về an ninh, trật tự - hành chính công thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM, huyện NTM nâng cao. Đến năm 2025, có ít nhất 60% số huyện đạt tiêu chí số 9 về an ninh trật tự - hành chính công thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; 25% số huyện đạt tiêu chí số 9 về an ninh trật tự - hành chính công thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

b) Nội dung:

- Nội dung 01: Tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn nông thôn, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề phức tạp nảy sinh ngay từ đầu, từ nơi xuất phát và ngay tại cơ sở; đồng thời phải sẵn sàng các phương án để đối phó kịp thời và hiệu quả khi xảy ra tình huống phức tạp theo phương châm “bốn tại chỗ”, hạn chế để hình thành các điểm nóng phức tạp về an ninh, trật tự...; nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; củng cố, xây dựng, nhân rộng các mô hình tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo hướng tự phòng, tự quản, tự vệ, tự hòa giải...; triển khai hiệu quả Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

- Nội dung 02: Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng được giao; góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân; tích cực xây dựng địa bàn nông thôn vững mạnh toàn diện, bảo đảm giữ vững tiêu chí quân sự, quốc phòng trong xây dựng NTM.

19. Câu hỏi 19: Mục tiêu, nội dung của Nội dung thành phần số 11 trong Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ?

Trả lời:

a) Mục tiêu: Đảm bảo 100% cán bộ chuyên trách xây dựng NTM các cấp, 100% cán bộ trong hệ thống chính trị tham gia chỉ đạo xây dựng NTM được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức xây dựng NTM; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp; triển khai sâu rộng Phong trào cả nước chung sức xây dựng NTM từ trung ương đến cơ sở.

b) Nội dung:

- Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh

giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình, đặc biệt xây dựng hệ thống giám sát thông qua bản đồ số và cơ sở dữ liệu; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng;

- Nội dung 02: Tiếp tục tăng cường nâng cao năng lực, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp, đặc biệt cán bộ cơ sở;

- Nội dung 03: Đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng NTM;

- Nội dung 04: Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM;

- Nội dung 05: Tiếp tục triển khai rộng khắp phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”.

20. Câu hỏi 20: Dự kiến tổng mức vốn và cơ cấu nguồn lực thực hiện Chương trình NTM theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ?

1. Ngân sách nhà nước bố trí cho Chương trình tối thiểu là 196.332 tỷ đồng, trong đó:

a) Vốn ngân sách trung ương: 39.632 tỷ đồng, bao gồm:

- Vốn đầu tư phát triển: 30.000 tỷ đồng;

- Vốn sự nghiệp: 9.632 tỷ đồng.

b) Vốn ngân sách địa phương: 156.700 tỷ đồng.

Trong quá trình điều hành, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục cân đối ngân sách trung ương để ưu tiên hỗ trợ thêm cho Chương trình phù hợp với điều kiện thực tế và có giải pháp huy động hợp lý mọi nguồn vốn hợp pháp để thực hiện.

2. Tổng vốn huy động nguồn lực thực hiện giai đoạn 2021 - 2025 dự kiến khoảng 2.455.212 tỷ đồng, với cơ cấu cụ thể như sau:

a) Vốn ngân sách trung ương bố trí trực tiếp để thực hiện Chương trình: 39.632 tỷ đồng (chiếm 1,6%).

b) Vốn ngân sách địa phương: dự kiến khoảng 156.700 tỷ đồng (chiếm 6,4%).

c) Vốn lồng ghép từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 các Chương trình, dự án khác thực hiện trên địa bàn nông thôn để hỗ trợ hoàn thành các tiêu chí NTM: khoảng 224.080 tỷ đồng (chiếm 9%).

d) Vốn tín dụng (Dự nợ cho vay trên địa bàn các xã trên toàn quốc giai đoạn 2021 - 2025): dự kiến khoảng 1.790.000 tỷ đồng (chiếm 73%).

đ) Vốn doanh nghiệp: dự kiến khoảng 105.500 tỷ đồng (chiếm 4,3%).

e) Huy động đóng góp tự nguyện của người dân và cộng đồng: dự kiến khoảng 139.300 tỷ đồng (chiếm 5,7%).

21. Câu hỏi 21: Các giải pháp trọng tâm để thực hiện Chương trình theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ?

Trả lời:

a) Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ và cư dân nông thôn, nâng cao chất lượng các phong trào thi đua xây dựng NTM, phong trào “Cả nước chung sức xây dựng NTM” giai đoạn 2021 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phát động.

b) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện khung khổ pháp luật, hệ thống cơ chế chính sách hỗ trợ xây dựng NTM, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế; chỉ đạo các địa phương chủ động ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ thực hiện các nội dung của Chương trình theo hướng nâng cao chất lượng, đi vào chiều sâu và bền vững;

c) Chỉ đạo, phối hợp thực hiện hiệu quả 11 nội dung của Chương trình; 06 chương trình chuyên đề trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng đời sống của người dân nông thôn và giải quyết các vấn đề bức xúc, tồn tại trong xây dựng NTM (môi trường, an toàn thực phẩm, nước sạch nông thôn, phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã khởi nghiệp, sáng tạo, thực hiện Chương trình OCOP; chuyển đổi số trong xây dựng NTM, phát triển du lịch nông thôn...).

d) Tăng cường phân cấp cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, căn cứ vào điều kiện thực tế, chủ động kiện toàn bộ máy tổ chức tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025, theo hướng kế thừa bộ máy đã được xây dựng giai đoạn 2016 - 2020; đảm bảo đồng bộ, thống nhất về vị trí, chức năng, nhiệm vụ; đảm bảo chuyên trách, chuyên nghiệp, ổn định, bền vững nhưng không làm phát sinh tổng biên chế đã

giao, tăng cường cán bộ biệt phái. Điều chỉnh bổ sung một số nhiệm vụ mới cho phù hợp với Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và pháp luật hiện hành.

đ) Huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động vốn, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo quy định; căn cứ vào tình hình thực tế, Chính phủ tiếp tục cân đối ngân sách trung ương để ưu tiên bổ sung cho Chương trình, các địa phương phải có trách nhiệm bố trí đủ vốn ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình;

- Huy động tối đa nguồn lực của địa phương (tỉnh, huyện, xã) để tổ chức triển khai Chương trình. Các tỉnh, thành phố ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước được phân bổ đầu tư cho các địa bàn khó khăn để góp phần thu hẹp khoảng cách xây dựng NTM giữa các vùng, miền. Căn cứ tình hình thực tế ở địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể tỷ lệ phân cấp nguồn thu để lại cho ngân sách xã, huyện từ đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất, có thu tiền sử dụng đất (sau khi hoàn trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) trên địa bàn xã để thực hiện các nội dung xây dựng NTM. Khuyến khích các địa phương có kinh tế phát triển hỗ trợ cho các địa phương khó khăn đẩy nhanh tiến độ xây dựng NTM;

- Thực hiện lồng ghép hiệu quả nguồn vốn của 03 chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn nông thôn giai đoạn 2021 - 2025 để hỗ trợ các địa phương hoàn thành các mục tiêu xây dựng NTM được Quốc hội phê duyệt;

- Thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn; bổ sung vốn tín dụng cho hệ thống Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã và huy động tối đa nguồn lực từ hệ thống Quỹ hỗ trợ Hợp tác xã; nghiên cứu, rà soát, sửa đổi bổ sung nội dung, đối tượng hỗ trợ cho vay phát triển Chương trình OCOP, hỗ trợ áp dụng công nghệ chế biến vừa và nhỏ trong nông nghiệp, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trong các chương trình tín dụng chính sách hiện có, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; khuyến khích cho vay ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội;

- Tăng cường vận động các tổ chức kinh tế đăng ký hỗ trợ các địa phương (huyện, xã) thực hiện xây dựng NTM; vận động người dân tiếp tục tham gia đóng góp xây dựng NTM theo nguyên tắc tự nguyện cho từng dự án, nội dung cụ thể, do Hội đồng nhân dân xã thông qua.

e) Tiếp tục tăng cường các hoạt động vận động các nhà tài trợ quốc tế, các Tổ chức phi chính phủ (NGOs) hỗ trợ nguồn lực, chia sẻ kinh nghiệm thực hiện các nội dung liên quan đến những vấn đề cấp thiết của Chương trình và phù hợp với xu thế phát triển chung của các nước khác trên thế giới; đồng thời, tranh thủ các nguồn vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ không hoàn lại... để tăng thêm nguồn lực đầu tư cho Chương trình.

g) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, lãng phí, xử lý nghiêm các vi phạm trong quá trình thực hiện Chương trình.

22. Câu hỏi 22: Trách nhiệm của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong thực hiện Chương trình theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ?

Trả lời:

a) Xây dựng và ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình trong giai đoạn 5 năm và hàng năm bao gồm các nội dung: Kế hoạch về nguồn vốn, mục tiêu, nhiệm vụ gửi cơ quan chủ Chương trình, cơ quan chủ trì nội dung thành phần và các cơ quan liên quan theo quy định.

b) Chỉ đạo, phân công trách nhiệm của từng cấp và các sở, ban, ngành trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở.

c) Ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn tổ chức triển khai Chương trình trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền, nhiệm vụ được giao; ban hành quy định về lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác có cùng nội dung, nhiệm vụ để thực hiện Chương trình trên địa bàn, đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của Chương trình đã được phê duyệt.

d) Thành lập Ban Chỉ đạo chung cho các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 ở địa phương theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. Thực hiện kiện toàn bộ máy

cơ quan tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp thống nhất, đồng bộ theo quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế.

đ) Chỉ đạo rà soát và điều phối kế hoạch xây dựng NTM cấp huyện trên địa bàn để phù hợp với kế hoạch xây dựng NTM chung của tỉnh.

e) Chủ động cân đối bố trí đủ nguồn vốn đối ứng từ ngân sách địa phương theo quy định, cũng như có giải pháp huy động hiệu quả các nguồn lực hợp pháp khác ngoài ngân sách để đầu tư xây dựng NTM; khuyến khích cho vay ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội để thực hiện các nội dung của Chương trình, trong đó ưu tiên hỗ trợ triển khai Chương trình OCOP, hỗ trợ áp dụng công nghệ chế biến vừa và nhỏ trong nông nghiệp, môi trường và nước sạch nông thôn đảm bảo thực hiện theo đúng chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về cơ chế huy động vốn tín dụng của Chính phủ về chính sách tín dụng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, về quản lý vốn tín dụng chính sách, Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ và phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và khả năng cân đối của ngân sách trung ương và các văn bản khác có liên quan.

g) Căn cứ vào điều kiện thực tế, nghiên cứu, ban hành cơ chế khuyến khích các địa phương có kinh tế phát triển hỗ trợ cho các địa phương khó khăn đẩy nhanh tiến độ xây dựng NTM đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành trên tinh thần tự nguyện, đảm bảo công khai, minh bạch, rõ trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư.

h) Tăng cường vận động các tổ chức kinh tế đăng ký hỗ trợ địa phương (huyện, xã) thực hiện xây dựng NTM.

i) Tăng cường vận động, khuyến khích người dân tham gia, đóng góp xây dựng NTM theo hình thức tự nguyện, không huy động quá sức dân và để phát sinh nợ đọng trong xây dựng cơ bản của Chương trình.

k) Tổ chức triển khai, giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh định kỳ, đột xuất theo quy định.

23. Câu hỏi 23: Bộ Tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trong Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ gồm những tiêu chí nào?

Trả lời:

Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới có 19 tiêu chí. Cụ thể, nhóm Quy hoạch có 1 tiêu chí (1- Quy hoạch); nhóm Hạ tầng kinh tế - xã hội có 8 tiêu chí (2- Giao thông; 3- Thủy lợi và phòng, chống thiên tai; 4- Điện; 5- Trường

học; 6- Cơ sở vật chất văn hóa; 7- Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; 8- Thông tin và truyền thông; 9- Nhà ở dân cư); nhóm Kinh tế và tổ chức sản xuất có 4 tiêu chí (10- Thu nhập; 11- Nghèo đa chiều; 12- Lao động; 13- Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn); nhóm Văn hóa - Xã hội - Môi trường có 6 tiêu chí (14- Giáo dục và Đào tạo; 15- Y tế; 16- Văn hóa; 17- Môi trường và an toàn thực phẩm; nhóm Hệ thống chính trị có 2 tiêu chí (18- Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật; 19- Quốc phòng và an ninh).

24. Câu hỏi 24: Bộ Tiêu chí quốc gia về nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trong Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ gồm những tiêu chí nào?

Trả lời:

1. Là xã đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025).

2. Đạt 19 tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025, gồm: 1- Quy hoạch; 2- Giao thông; 3- Thủy lợi và phòng, chống thiên tai; 4- Điện; 5- Giáo dục; 6- Văn hóa; 7- Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; 8- Thông tin và Truyền thông; 9- Nhà ở dân cư; 10 -Thu nhập; 11- Nghèo đa chiều; 12- Lao động; 13- Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn; 14- Y tế; 15- Hành chính công; 16- Tiếp cận pháp luật; 17- Môi trường; 18- Chất lượng môi trường sống; 19- Quốc phòng và An ninh.

25. Câu hỏi 25: Xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-025 được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025, xã nông thôn mới kiểu mẫu được quy định như sau:

1. Đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 - 2020, phải tập trung rà soát, chỉ đạo thực hiện, đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

2. Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm.

3. Có ít nhất một mô hình thôn thông minh, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể.

4. Đạt tiêu chí quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu theo ít nhất một trong các lĩnh vực nổi trội nhất (về sản xuất, về giáo dục, về văn hóa, về du lịch, về cảnh quan môi trường, về an ninh trật tự, về chuyển đổi số...) mang giá trị đặc trưng của địa phương, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

26. Câu hỏi 26: Huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025 (Phụ lục I):

Huyện nông thôn mới là huyện đáp ứng các tiêu chí sau:

1. Có 100% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025).

2. Có ít nhất 10% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025).

3. Có 100% số thị trấn trên địa bàn đạt chuẩn đô thị văn minh.

4. Tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện đạt từ 90% trở lên (trong đó có tỷ lệ hài lòng của người dân ở từng xã đối với kết quả thực hiện từng nội dung xây dựng nông thôn mới đạt từ 80% trở lên).

5. Đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, bao gồm: 1- Quy hoạch; 2- Giao thông; 3- Thủy lợi và phòng chống thiên tai; 4- Điện; 5- Y tế - Văn hóa - Giáo dục; 6- Kinh tế; 7- Môi trường; 8- Chất lượng môi trường sống; 9- Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công.

27. Câu hỏi 27: Thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025 (Phụ lục II):

1. Có 100% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025).

2. Có ít nhất 01 xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

3. Có 100% số phường trên địa bàn đạt chuẩn đô thị văn minh.

4. Tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới của thị xã, thành phố đạt từ 90% trở lên (trong đó có tỷ lệ hài lòng của người dân ở từng xã đối với kết quả thực hiện từng nội dung xây dựng nông thôn mới đạt từ 80% trở lên).

5. Đất cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị trên địa bàn tối thiểu là 5 m²/người.

28. Câu hỏi 28: Huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025 (Phụ lục III):

1. Là huyện đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025).

2. Có ít nhất 50% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025).

3. Tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao của huyện đạt từ 95% trở lên (trong đó có tỷ lệ hài lòng của người dân ở từng xã đối với kết quả thực hiện từng nội dung xây dựng nông thôn mới nâng cao đạt từ 85% trở lên).

4. Đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025, bao gồm: 1- Quy hoạch; 2- Giao thông; 3- Thủy lợi và phòng, chống thiên tai; 4- Điện; 5- Y tế - Văn hóa – Giáo dục; 6- Kinh tế; 7- Môi trường; 8- Chất lượng môi trường sống; 9- An ninh, trật tự - Hành chính công.

29. Câu hỏi 29: Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 được quy định như thế nào?

Trả lời:

Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 quy định như sau:

1. Có 100% số huyện trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; đối với các huyện đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020, phải rà soát, chỉ đạo thực hiện, đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

2. Có 100% số thị xã, thành phố trên địa bàn hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; đối với các thị xã, thành phố đã được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020, phải rà soát, chỉ đạo thực hiện, đáp ứng đầy đủ mức hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo yêu cầu đối với thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

3. Có ít nhất 20% số huyện trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

4. Có ít nhất 40% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

5. Có Đề án xây dựng nông thôn mới toàn tỉnh, thành phố giai đoạn 2021 - 2025 được Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thông qua.

6. Có ít nhất 70% số km đường huyện, đường tỉnh, quốc lộ trên địa bàn được trồng cây xanh dọc tuyến đường.

7. Đất cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn tối thiểu là 4 m²/người.

8. Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý đạt từ 90% trở lên.

30. Câu hỏi 30: Mục tiêu chung của Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Nghệ An là gì?

Trả lời:

Theo Quyết định số 1595/QĐ-UBND về việc ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025, mục tiêu chung của Chương trình là:

- Cơ bản hoàn thành các công trình thiết yếu đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống của cư dân nông thôn: Giao thông, điện, nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế; nâng cao chất lượng cuộc sống của cư dân nông thôn; tạo nhiều mô hình sản xuất gắn với việc làm ổn định cho nhân dân.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chương trình trên địa bàn toàn tỉnh, xây dựng kế hoạch lộ trình tiếp tục thực hiện xã đạt chuẩn theo các mức độ (đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu), thôn/bản đạt chuẩn Nông thôn mới (NTM), khu dân cư kiểu mẫu và vườn chuẩn. Duy trì và nâng cao chất lượng NTM các cấp (huyện, xã, thôn/xóm/bản) theo các mức độ (đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu).

- Tập trung chỉ đạo phát triển kinh tế xã hội địa phương, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, từng bước thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và thành thị; Tạo nhiều mô hình sản xuất gắn với việc làm ổn định cho nhân dân; Giữ vững môi trường cảnh quan sáng - xanh - sạch - đẹp.

31. Câu hỏi 31: Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 của Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Nghệ An là gì?

Trả lời:

Theo Quyết định số 1595/QĐ-UBND về việc ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025, mục tiêu cụ thể của Chương trình là:

- Đến năm 2025 có ít nhất 337 xã đạt chuẩn NTM, tương đương 82% số xã toàn tỉnh (trong đó, có 135 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, tương đương 40% số xã NTM; có 34 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, tương đương 10% số xã NTM). Bình quân đạt 17,31 tiêu chí/xã. Thu nhập bình quân đến năm 2025 tăng 1,7 lần so với năm 2020.

- Tiếp tục xây dựng NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu đối với các xã, huyện đã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới, phần đầu có ít nhất 11 đơn

vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (trong đó có: 1-2 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM nâng cao và huyện Nam Đàn đạt chuẩn NTM kiểu mẫu theo hướng phát triển văn hóa gắn với du lịch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 17/QĐ-TTg ngày 04/01/2019).

- Có 200 thôn, xóm, bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực III và xã biên giới đạt chuẩn NTM theo Bộ tiêu chí.

- Có 800 Vườn chuẩn NTM đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí.

32. Câu hỏi 32: Các nội dung thành phần trong Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Nghệ An?

Trả lời:

Theo Quyết định số 1595/QĐ-UBND về việc ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025:

1. Nội dung thành phần 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng NTM theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá.

2. Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền.

3. Nội dung thành phần 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững.

4. Nội dung thành phần 04: Giảm nghèo bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi.

5. Nội dung thành phần 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn.

6. Nội dung thành phần 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn.

7. Nội dung thành phần 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn.

8. Nội dung thành phần 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong NTM, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng NTM thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới.

9. Nội dung thành phần 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM.

10. Nội dung thành phần 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn.

11. Nội dung thành phần 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM.

12. Xây dựng huyện Nam Đàn thành huyện NTM kiểu mẫu.

13. Xây dựng NTM thôn, xóm, bản.

14. Xây dựng Vườn chuẩn NTM.

33. Câu hỏi 33: Mục tiêu, nội dung trong Nội dung thành phần số 01 Kế hoạch thực hiện CTMTQG xây dựng NTM của tỉnh Nghệ An?

Trả lời:

1.1. Mục tiêu

- Đạt yêu cầu của tiêu chí số 1 thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, xã NTM nâng cao, huyện NTM, huyện NTM nâng cao.

- Đến năm 2025: Có 100% số xã đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch thuộc Bộ tiêu chí về xã NTM, có ít nhất 50% số xã đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao; có ít nhất 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 1 về Quy hoạch thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM, trong đó, có ít nhất 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 1 về Quy hoạch thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao

1.2. Nội dung

- Nội dung 01: Rà soát, điều chỉnh, lập mới (trong trường hợp quy hoạch đã hết thời hạn) và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa theo quy định pháp luật về quy hoạch, phù

hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong đó có quy hoạch khu vực hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn. Từng bước lập quy hoạch chi tiết xây dựng (sau quy hoạch chung xây dựng xã) nhằm quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan ở khu vực nông thôn. Tập trung quy hoạch lại các khu cụm dân cư/thôn, bản tại các xã biên giới.

- Nội dung 02: Tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện gắn với quá trình công nghiệp hóa - đô thị hóa nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM, trong đó, có quy hoạch khu vực hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.

- Nội dung 03: Xây dựng, rà soát, điều chỉnh quy hoạch tỉnh (nếu có), tạo điều kiện thực hiện Chương trình gắn với phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường.

34. Câu hỏi 34: Mục tiêu, nội dung trong Nội dung thành phần số 02 Kế hoạch thực hiện CTMTQG xây dựng NTM của tỉnh Nghệ An của tỉnh Nghệ An?

Trả lời:

2.2. Mục tiêu

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 về giao thông, tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai, tiêu chí số 4 về điện, tiêu chí số 5 về trường học, tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa, tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng nông thôn, tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông, tiêu chí số 15 về y tế, tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM;

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 về giao thông, tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai, tiêu chí số 4 về điện, tiêu chí số 5 về giáo dục, tiêu chí số 6 về văn hóa, tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông, tiêu chí số 17 về môi trường, tiêu chí số 18 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao;

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 về giao thông, tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng, chống thiên tai, tiêu chí số 4 về điện, tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục, tiêu chí số 6 về kinh tế, tiêu chí số 7 về môi trường, tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM;

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 về giao thông, tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng, chống thiên tai, tiêu chí số 4 về điện, tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục, tiêu chí số 6 về kinh tế, tiêu chí số 7 về môi trường, tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

2.2. Nội dung

- Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn xã, hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên huyện. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có 86% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 2 về giao thông theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, trong đó, có 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 2 về giao thông thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

+ Cấp huyện: Có 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 2 về giao thông thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM, trong đó, có 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 2 về giao thông thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 02: Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi và phòng chống thiên tai cấp xã, huyện, đảm bảo bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có 98% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, trong đó, có 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

+ Cấp huyện: Có 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM, trong đó, có 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 03: Cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn theo hướng an toàn, tin cậy, ổn định và đảm bảo mỹ quan. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có 98% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 4 về điện thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, trong đó, có 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 4 về điện thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

+ Cấp huyện: Có 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 4 về điện thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 4 về điện thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 04: Tiếp tục xây dựng, hoàn chỉnh các công trình cấp xã, cấp huyện đảm bảo đạt chuẩn cơ sở vật chất cho các trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đảm bảo đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 5 về trường học thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; có 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 5 về giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

+ Cấp huyện: Có 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM, trong đó, có 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 05: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất văn hóa thể thao cấp xã, thôn, các trung tâm văn hóa - thể thao huyện; tu bổ, tôn tạo các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch nông thôn. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có 82% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, trong đó, có 40% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 6 về văn hóa thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

+ Cấp huyện: Có 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; có 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 06: Đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã; các chợ trung tâm, chợ đầu mối, trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện; trung tâm kỹ thuật nông nghiệp; hệ thống trung tâm cung ứng nông sản hiện đại. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn thuộc Bộ tiêu chí xã NTM; 70% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao.

+ Cấp huyện: Có ít nhất 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 6 về kinh tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 6 về kinh tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 07: Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ các vùng nguyên liệu tập trung gắn với liên kết chuỗi giá trị, cơ sở hạ tầng các cụm làng nghề, ngành nghề nông thôn. Đến năm 2025: Có ít nhất 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 6 về kinh tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; có 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 6 về kinh tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 08: Tiếp tục xây dựng, cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho các trạm y tế xã, trung tâm y tế huyện. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 15 về y tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

+ Cấp huyện: Có 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM.

- Nội dung 09: Phát triển, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng số, chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn (theo Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ); tăng cường xây dựng cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở, ưu tiên phát triển, nâng cấp các đài truyền thanh xã có cụm loa hoạt động đến thôn và tăng cường phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện; phát triển và duy trì các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính. Đến năm 2025, có 97% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; có 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

- Nội dung 10: Xây dựng, hoàn thiện các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, đảm bảo chất lượng đạt chuẩn theo quy định. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có ít nhất 90% số xã đạt tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 18 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

+ Cấp huyện: Có khoảng 60% số huyện đạt tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; có 25% số huyện đạt tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 11: Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn; thu hút các doanh nghiệp đầu tư các khu xử lý chất thải tập trung quy mô liên huyện, liên tỉnh; đầu tư hạ tầng các điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt; xây dựng các mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô tập trung (cấp huyện và liên huyện), ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường; đầu tư, cải tạo, nâng cấp đồng bộ hệ thống thu gom, thoát nước thải và các công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung và tại chỗ phù hợp; trong đó có phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có ít nhất 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 17 về môi trường thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

+ Cấp huyện: Có ít nhất 60% số huyện đạt tiêu chí số 7 về môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; có 25% số huyện đạt tiêu chí số 7 về môi trường thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

35. Câu hỏi 35: Mục tiêu, nội dung trong Nội dung thành phần số 03 Kế hoạch thực hiện CTMTQG xây dựng NTM của tỉnh Nghệ An của tỉnh Nghệ An?

Trả lời:

3.1. Mục tiêu

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 về thu nhập, tiêu chí số 12 về lao động, tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; tiêu chí số 10 về thu nhập, tiêu chí số 12 về lao động, tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao; tiêu chí số 6 về kinh tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; tiêu chí số 6 về kinh tế, thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Đến năm 2025

+ Có 82% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 10 về thu nhập; 85% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 12 về lao động; 82% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM;

Có 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 10 về thu nhập; 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 12 về lao động; 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao;

+ Có ít nhất 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 6 về kinh tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 6 về kinh tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

3.2. Nội dung

- Nội dung 01: Tập trung triển khai cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ theo hướng kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên và hạ tầng kinh tế xã hội.

- Nội dung 02: Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp.

- Nội dung 03: Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách đầu tư bảo vệ, phát triển rừng, chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và Chương trình phát

triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025; chú trọng đẩy mạnh phát triển các mô hình liên kết trồng rừng gỗ lớn tập trung, gắn với cấp chứng chỉ rừng bền vững; phát triển lâm sản ngoài gỗ theo thế mạnh của từng vùng.

- Nội dung 04: Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với lợi thế vùng miền, thành lập Trung tâm OCOP Quốc gia; phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn; đẩy mạnh sản xuất, chế biến muối theo chuỗi giá trị.

- Nội dung 05: Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất trong đó, ưu tiên hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao liên kết theo chuỗi giá trị; thu hút khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy thực hiện bảo hiểm trong nông nghiệp.

- Nội dung 06: Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hệ thống kết nối, xúc tiến tiêu thụ nông sản; đa dạng hoá hệ thống kênh phân phối, tiêu thụ đảm bảo bền vững trước các biến động của thiên tai, dịch bệnh, trong đó ưu tiên phát triển thương mại điện tử; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn gắn với việc đáp ứng các tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn và đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Nội dung 07: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025.

- Nội dung 08: Thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững, bao trùm và đa giá trị.

- Nội dung 09: Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường; hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn.

36. Câu hỏi 36: Mục tiêu, nội dung trong Nội dung thành phần số 04 Kế hoạch thực hiện CTMTQG xây dựng NTM của tỉnh Nghệ An của tỉnh Nghệ An?

Trả lời:

4.1. Mục tiêu

Đạt yêu cầu của tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư và tiêu chí số 11 về hộ nghèo thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về NTM; tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư và tiêu chí số 11 về hộ nghèo thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao. Đến năm 2025, có 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư, 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 11 về hộ nghèo thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; 50% số

xã đạt chuẩn tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư, 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 11 về hộ nghèo thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

4.2. Nội dung

- Nội dung 01: Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

- Nội dung 02: Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ nhà ở, xóa nhà tạm, dột nát; nâng cao chất lượng nhà ở dân cư.

37. Câu hỏi 37: Mục tiêu, nội dung trong Nội dung thành phần số 05 Kế hoạch thực hiện CTMTQG xây dựng NTM của tỉnh Nghệ An của tỉnh Nghệ An?

Trả lời:

5.1. Mục tiêu

- Đạt yêu cầu của tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo; tiêu chí số 15 về y tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM. Đến năm 2025, có 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo; 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 15 về y tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 về giáo dục; tiêu chí số 14 về y tế trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao. Đến năm 2025, có 60% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 5 về giáo dục; 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 14 về y tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao. Đến năm 2025, có ít nhất 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

5.2. Nội dung

- Nội dung 1: Tiếp tục nâng cao chất lượng, phát triển giáo dục ở nông thôn, trong đó, chú trọng duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục phổ thông cơ sở. Duy trì, củng cố chất lượng biết chữ mức độ 1; từng bước nâng cao tỷ lệ biết chữ mức độ 2 cho người lớn trong độ tuổi 15-60 tuổi.

- Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám

chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.

38. Câu hỏi 38: Mục tiêu, nội dung trong Nội dung thành phần số 06 Kế hoạch thực hiện CTMTQG xây dựng NTM của tỉnh Nghệ An của tỉnh Nghệ An?

Trả lời:

6.1. Mục tiêu

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 16 về văn hóa thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM. Đến năm 2025, có 82% số xã chuẩn đạt tiêu chí số 16 về văn hóa thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 về văn hóa thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao. Đến năm 2025, có 40% số xã chuẩn đạt tiêu chí số 6 về văn hóa thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao. Đến năm 2025, có 60% số huyện đạt tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

6.2. Nội dung

- Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, nâng cao sức khỏe cho người dân (nhất là trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi). Phát động các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe, văn hóa, văn nghệ quần chúng phù hợp với từng đối tượng, từng địa phương; nhân rộng mô hình câu lạc bộ hoạt động văn hóa văn nghệ nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

- Nội dung 02: Tăng cường kiểm kê, ghi danh các di sản văn hóa; bảo tồn và phát huy di sản văn hóa; nghiên cứu, mở rộng mô hình kết nối văn hóa truyền thống và văn hóa mới, đảm bảo đa dạng về văn hóa vùng miền, dân tộc phục vụ phát triển du lịch.

- Nội dung 03: Đẩy mạnh phát triển du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng gắn với xây dựng NTM; rà soát bổ sung các tua du lịch lịch nông thôn, du lịch cộng đồng phục vụ khách du lịch.

39. Câu hỏi 39: Mục tiêu, nội dung trong Nội dung thành phần số 07 Kế hoạch thực hiện CTMTQG xây dựng NTM của tỉnh Nghệ An của tỉnh Nghệ An?

Trả lời:

7.1. Mục tiêu

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM. Đến năm 2025, có ít nhất 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

- Đạt yêu cầu về tiêu chí số 17 về môi trường và tiêu chí số 18 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao. Đến năm 2025, có ít nhất 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 17 về môi trường; 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 18 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 7 về môi trường và tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM. Đến năm 2025, có ít nhất 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 7 về môi trường; có khoảng 70% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí về huyện NTM.

- Đạt yêu cầu về tiêu chí số 7 về môi trường và tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao. Đến năm 2025, có ít nhất 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 7 về môi trường; 40% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí về huyện NTM nâng cao.

7.2. Nội dung

- Nội dung 01: Xây dựng và tổ chức hướng dẫn thực hiện các Đề án/Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo theo quy định; phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh.

- Nội dung 02: Thu gom, tái chế, tái sử dụng các loại chất thải (phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi, bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, chất thải nhựa...) theo nguyên lý tuần hoàn; tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa trong hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp ở Việt Nam; xây dựng cộng đồng dân cư không rác thải nhựa.

- Nội dung 03: Đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây

ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn tài nguyên.

- Nội dung 04: Cải tạo nghĩa trang phù hợp với cảnh quan môi trường; xây dựng mới và mở rộng các cơ sở mai táng, hỏa táng phải phù hợp với các quy định và theo quy hoạch.

- Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; tăng tỷ lệ trồng hoa, cây xanh phân tán gắn với triển khai Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khu dân cư kiểu mẫu.

- Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; cải thiện vệ sinh hộ gia đình.

- Nội dung 07: Triển khai hiệu quả Chương trình “Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025”; Nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022-2030.

40. Câu hỏi 40: Mục tiêu, nội dung trong Nội dung thành phần số 08 Kế hoạch thực hiện CTMTQG xây dựng NTM của tỉnh Nghệ An của tỉnh Nghệ An?

Trả lời:

8.1. Mục tiêu

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông, tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM. Đến năm 2025, có ít nhất 97% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông; 95% xã đạt chuẩn tiêu chí số 18 về tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông, tiêu chí số 15 về hành chính công, tiêu chí số 16 về tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao. Đến năm 2025, có ít nhất 50% số xã đạt tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông; ít nhất 50% số xã chuẩn đạt tiêu chí số 15 về hành chính công; 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 16 về tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 về an ninh, trật tự - hành chính công trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM. Đến năm 2025, có 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 9 về an ninh trật tự - hành chính công thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 về an ninh, trật tự - hành chính công thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao. Đến năm 2025, 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 9 về an ninh trật tự - hành chính công thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

8.2. Nội dung

- Nội dung 01: Triển khai đề án về đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, chuyển đổi tư duy về phát triển kinh tế nông thôn cho cán bộ, công chức xã theo quy định, đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM.

- Nội dung 02: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các dịch vụ hành chính công nhằm nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo hướng minh bạch, công khai và hiệu quả ở các cấp (xã, huyện, tỉnh); gắn mã, cập nhật, thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bản đồ số Việt Nam; bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin cho cán bộ cấp xã; phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn.

- Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh giai đoạn 2021-2025.

- Nội dung 04: Tăng cường hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết hòa giải, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn.

- Nội dung 05: Nâng cao nhận thức, thông tin về trợ giúp pháp lý; tăng cường khả năng thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý.

- Nội dung 06: Tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; tăng cường chăm sóc, bảo vệ trẻ em và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

41. Câu hỏi 41: Mục tiêu, nội dung trong Nội dung thành phần số 09 Kế hoạch thực hiện CTMTQG xây dựng NTM của tỉnh Nghệ An của tỉnh Nghệ An?

Trả lời:

9.1. Mục tiêu

Đáp ứng yêu cầu tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM. Đến năm 2025, có 100% số xã đạt tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

9.2. Nội dung

- Nội dung 01: Tiếp tục tổ chức triển khai Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”; nâng cao hiệu quả thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội trong xây dựng NTM; tăng cường vận động, phát huy vai trò làm chủ của người dân trong xây dựng NTM; nâng cao hiệu quả việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM.

- Nội dung 02: Triển khai hiệu quả phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”.

- Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025”.

- Nội dung 04: Thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế; triển khai hiệu quả Chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng NTM.

- Nội dung số 05: Vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”.

42. Câu hỏi 42: Mục tiêu, nội dung trong Nội dung thành phần số 10 Kế hoạch thực hiện CTMTQG xây dựng NTM của tỉnh Nghệ An của tỉnh Nghệ An?

Trả lời:

10.1 Mục tiêu

- Đạt tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, xã NTM nâng cao. Đến năm 2025, có 99% số xã đạt tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; 50% số xã đạt tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 về an ninh, trật tự - hành chính công thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM, huyện NTM nâng cao. Đến năm 2025, có ít nhất 60% số huyện đạt tiêu chí số 9 về an ninh trật tự - hành chính công thuộc

Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; 25% số huyện đạt tiêu chí số 9 về an ninh trật tự - hành chính công thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

10.2. Nội dung

- Nội dung 01: Tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn nông thôn, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề phức tạp nảy sinh ngay từ đầu, từ nơi xuất phát và ngay tại cơ sở; đồng thời phải sẵn sàng các phương án để đối phó kịp thời và hiệu quả khi xảy ra tình huống phức tạp theo phương châm “bốn tại chỗ”, hạn chế để hình thành các điểm nóng phức tạp về an ninh, trật tự...; nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; củng cố, xây dựng, nhân rộng các mô hình tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo hướng tự phòng, tự quản, tự vệ, tự hòa giải...; triển khai hiệu quả Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025.

- Nội dung 02: Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng được giao; góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân; tích cực xây dựng địa bàn nông thôn vững mạnh toàn diện, bảo đảm giữ vững tiêu chí quân sự, quốc phòng trong xây dựng NTM.

43. Câu hỏi 43: Mục tiêu, nội dung trong Nội dung thành phần số 11 Kế hoạch thực hiện CTMTQG xây dựng NTM của tỉnh Nghệ An của tỉnh Nghệ An?

Trả lời:

11.1. Mục tiêu

Đảm bảo 100% cán bộ chuyên trách xây dựng NTM các cấp, 100% cán bộ trong hệ thống chính trị tham gia chỉ đạo xây dựng NTM được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức xây dựng NTM; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống Văn phòng Điều phối NTM các cấp; triển khai sâu rộng Phong trào cả nước chung sức xây dựng NTM từ trung ương đến cơ sở.

11.2. Nội dung

- Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình, đặc biệt xây dựng hệ thống giám sát thông qua bản đồ số và cơ sở dữ liệu; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng.

- Nội dung 02: Tiếp tục tăng cường nâng cao năng lực, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp, đặc biệt cán bộ cơ sở.

- Nội dung 03: Đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng NTM.

- Nội dung 04: Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM.

- Nội dung 05: Tiếp tục triển khai rộng khắp phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng NTM”.

44. Câu hỏi 44: Mục tiêu, nội dung trong Nội dung thành phần số 12 (Xây dựng huyện NTM kiểu mẫu Nam Đàn) trong Kế hoạch thực hiện CTMTQG xây dựng NTM của tỉnh Nghệ An của tỉnh Nghệ An?

Trả lời:

12.1. Mục tiêu

Nâng cao toàn diện chất lượng xây dựng NTM trên địa bàn; giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, truyền thống lịch sử cách mạng, làm động lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội thông qua hoạt động du lịch, dịch vụ, đưa Nam Đàn trở thành huyện NTM kiểu mẫu về “Phát triển văn hóa gắn với du lịch”, góp phần tạo ra sức lan tỏa trên toàn quốc.

12.2. Nội dung

Thực hiện tốt các nội dung theo Quyết định số 17/QĐ-TTg ngày 04/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm "Xây dựng huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An trở thành huyện NTM kiểu mẫu theo hướng phát triển văn hóa gắn với du lịch giai đoạn 2018 - 2025" và Quyết định số 913/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 17/QĐ-TTg, ngày 04/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm “Xây dựng huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An trở thành huyện NTM kiểu mẫu theo hướng phát triển văn hóa gắn với du lịch, giai đoạn 2018-2025”.

45. Câu hỏi 45: Mục tiêu, nội dung trong Nội dung thành phần số 13 (Xây dựng NTM thôn, xóm, bản) trong Kế hoạch thực hiện CTMTQG xây dựng NTM của tỉnh Nghệ An của tỉnh Nghệ An?

Trả lời:

13.1. Mục tiêu: Xây dựng và nhân rộng mô hình NTM cấp thôn, xóm, bản ở các xã đặc biệt khó khăn Khu vực III, xã biên giới. Phân đấu đến hết năm 2025, toàn tỉnh có 200 thôn, xóm, bản được công nhận đạt chuẩn NTM thuộc các xã vùng đặc biệt khó khăn Khu vực III, xã biên giới chưa đạt chuẩn NTM cấp xã.

13.2. Nội dung: Xây dựng thôn, xóm, bản đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí của tỉnh.

46. Câu hỏi 46: Mục tiêu, nội dung trong Nội dung thành phần số 14 (Xây dựng Vườn chuẩn NTM) trong Kế hoạch thực hiện CTMTQG xây dựng NTM của tỉnh Nghệ An của tỉnh Nghệ An?

Trả lời:

14.1. Mục tiêu: Xây dựng và nhân rộng các mô hình Vườn chuẩn NTM đã tổ chức giai đoạn 2019-2020. Phân đấu đến hết năm 2025, toàn tỉnh có 800 Vườn chuẩn NTM được công nhận theo Bộ tiêu chí.

14.2. Nội dung: Xây dựng thôn, xóm, bản đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí của tỉnh.

47. Câu hỏi 47: Bộ tiêu chí xây dựng thôn, xóm, bản đạt chuẩn nông thôn mới được quy định như thế nào?

Trả lời:

Quyết định số 1541/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 ban hành Bộ tiêu chí thôn, xóm, bản đạt chuẩn nông thôn mới; Vườn đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An quy định Bộ tiêu chí thôn, xóm, bản đạt chuẩn nông thôn mới gồm 12 tiêu chí như sau: 1- Giao thông; 2- Thủy lợi và PCTT; 3- Điện; 4- Nhà ở dân cư; 5- Thu nhập; 6- Nghèo đa chiều; 7- Lao động; 8- Giáo dục và đào tạo; 9- Văn hóa và cơ sở vật chất văn hóa; 10- Y tế; 11- Môi trường và an toàn thực phẩm; 12- Hệ thống tổ chức chính trị và tuân thủ pháp luật, quy ước, hương ước; 13- An ninh trật tự và xã hội.

48. Câu hỏi 48: Bộ tiêu chí Vườn đạt chuẩn nông thôn mới được quy định như thế nào?

Trả lời:

Quyết định số 1541/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 ban hành Bộ tiêu chí thôn, xóm, bản đạt chuẩn nông thôn mới; Vườn đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An quy định Vườn đạt chuẩn nông thôn mới gồm 5 tiêu chí như sau: 1- Quy hoạch và thực hiện quy hoạch; 2- Ứng dụng KHKT và liên kết sản xuất; 3- Sản phẩm từ vườn; 4- Môi trường – Cảnh quan; 5- Thu nhập.

49. Câu hỏi 49: Các nội dung, tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới do tỉnh Nghệ An quy định?

Trả lời:

Theo Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của UBND tỉnh Nghệ An quy định các nội dung, tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Nghệ An: các nội dung, tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (được Thủ tướng Chính phủ giao cho địa phương hướng dẫn) bao gồm:

Tiêu chí 2- Giao thông (2 nội dung); Tiêu chí 3- Thủy lợi và PCTT (1 nội dung); Tiêu chí 6- Cơ sở vật chất văn hóa (2 nội dung); Tiêu chí 7- Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (1 nội dung); Tiêu chí 9- Nhà ở dân cư (1 nội dung); Tiêu chí 13- Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn (3 nội dung); Tiêu chí 16- Văn hóa (3 nội dung); Tiêu chí 17- Môi trường và an toàn thực phẩm (1 nội dung); Tiêu chí 18- Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (1 nội dung).

50. Câu hỏi 50: Các nội dung, tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao do tỉnh Nghệ An quy định?

Trả lời:

Theo Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của UBND tỉnh Nghệ An, các nội dung, tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 bao gồm: Tiêu chí 1- Quy hoạch (3 nội dung); Tiêu chí 2- Giao thông (4 nội dung); Tiêu chí 3- Thủy lợi và PCTT (2 nội dung); Tiêu chí 5- Giáo dục (1 nội dung); Tiêu chí 6- Văn hóa (3 nội dung); Tiêu chí 7- Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (2 nội dung); Tiêu chí 8- Thông tin và Truyền thông (1 nội dung); Tiêu chí 9- Nhà ở dân cư (1 nội dung); Tiêu chí 12- Lao động (1 nội dung); Tiêu chí 13- Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn (6 nội dung); Tiêu chí 15- Hành chính công (1 nội dung); Tiêu chí 17- Môi trường (1 nội dung); Tiêu chí 18- Chất lượng môi trường sống (1 nội dung); Tiêu chí 19- Quốc phòng và An ninh (2 nội dung).

51. Câu hỏi 51: Bộ Tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An bao gồm những nội dung nào (các nội dung do tỉnh quy định)?

Trả lời:

Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của UBND tỉnh Nghệ An quy định Bộ Tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An như sau:

Xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu khi đạt các nội dung tại QĐ số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và đạt các lĩnh vực theo hướng dẫn, quy định cụ thể của các sở, ngành chuyên môn như sau: 1- Kiểu mẫu về tổ chức sản xuất (Sở NNPTNT); 2- Kiểu mẫu về giáo dục (Sở GD&ĐT); 3- Kiểu mẫu về văn hóa (Sở VH TT); 4- Kiểu mẫu về du lịch (Sở Du lịch); 5- Kiểu mẫu về cảnh quan môi trường (Sở TN&MT); 6. Kiểu mẫu về chuyển đổi số (Sở TTTT chủ trì, phối hợp Sở NNPTNT); 7- Kiểu mẫu về an ninh trật tự (Công an tỉnh).

52. Câu hỏi 52: Bộ Tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An gồm những nội dung nào (các nội dung do tỉnh quy định)?

Trả lời:

Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của UBND tỉnh Nghệ An quy định Bộ Tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An như sau:

Tiêu chí 1- Quy hoạch (2 nội dung); Tiêu chí 5- Y tế - Văn hóa – Giáo dục (2 nội dung); Tiêu chí 8- Chất lượng môi trường sống (1 nội dung).

53. Câu hỏi 53: Các quan điểm của Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ?

Trả lời:

a) Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới là giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, phải phù hợp, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh và chiến lược chuyển đổi số quốc gia, triển khai một cách chủ động, linh hoạt với 03 trụ cột: (i) Phát triển chính quyền số ở nông thôn; (ii) Phát triển các chủ thể kinh tế số ở nông thôn; (iii) Phát triển xã hội số cho cộng đồng dân cư ở nông thôn.

b) Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới để từng bước hình thành nông thôn mới thông minh, nâng cao hiệu quả hoạt động của cộng đồng, góp phần xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững, trên cơ sở

kế thừa, tiếp tục phát triển, hoàn thiện kết quả các chương trình, dự án về công nghệ thông tin, chuyển đổi số do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan đã và đang triển khai, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và bền vững.

c) Phát huy vai trò của hệ thống chính trị, các ngành, các cấp, đặc biệt là vai trò trung tâm của người dân tham gia thực hiện chuyển đổi số, đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong đầu tư hạ tầng, ứng dụng công nghệ, phát triển nguồn nhân lực để thực hiện hiệu quả chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới.

d) Từng bước hoàn thiện cơ chế, chính sách để khuyến khích người dân nông thôn chủ động áp dụng chuyển đổi số, góp phần phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao chất lượng tiếp cận dịch vụ và đời sống của người dân nông thôn.

54. Câu hỏi 54: Mục tiêu tổng quát của Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025?

Trả lời:

Theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ, mục tiêu tổng quát là: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong xây dựng nông thôn mới nhằm tăng cường hiệu quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, góp phần thúc đẩy kinh tế nông thôn, nâng cao chất lượng đời sống người dân, thu hẹp dần khoảng cách về chất lượng dịch vụ giữa nông thôn - thành thị, từng bước hướng tới nông thôn mới thông minh.

55. Câu hỏi 55: Mục tiêu phát triển chính quyền số trong xây dựng nông thôn mới đến năm 2025?

Trả lời:

Theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ, mục tiêu phát triển chính quyền số trong xây dựng nông thôn mới đến năm 2025 là:

+ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được tổ chức đồng bộ, thống nhất trên nền tảng công nghệ số, ít nhất 90% hồ sơ công việc cấp trung ương, cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc cấp huyện và 60% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng.

+ Ít nhất 97% số xã đạt chuẩn chỉ tiêu 8.4 của Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới; 50% số xã đạt chuẩn chỉ tiêu 8.4 của Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông, 50% số xã

đạt chuẩn chỉ tiêu số 15.2 của Tiêu chí số 15 về Hành chính công theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao.

+ Có ít nhất 60% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 9.5 của Tiêu chí số 9 về An ninh trật tự - Hành chính công theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; 25% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 6.5 của Tiêu chí số 6 về Kinh tế, 25% đạt chỉ tiêu 9.2 của Tiêu chí số 9 về An ninh trật tự - Hành chính công theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao.

+ Phân đầu 100% cán bộ quản lý các cấp tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được tập huấn, nâng cao năng lực về chuyển đổi số.

56. Câu hỏi 56: Chính phủ số đem lại lợi ích gì cho người dân?

Chính phủ số nhờ dữ liệu số và công nghệ số thấu hiểu người dân hơn, vì vậy, cung cấp dịch vụ số tốt hơn, chăm sóc người dân tốt hơn.

Một đứa trẻ khi sinh ra được cấp một mã định danh duy nhất, đến kỳ thì gia đình nhận được thông báo đi tiêm phòng từ chính quyền, đến tuổi đi học thì chính quyền dựa trên số liệu dân cư để quyết định phân bổ cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục, tránh nơi bị thừa, nơi lại thiếu, đến tuổi trưởng thành thì tự động nhận được căn cước công dân. Khi dịch bệnh bùng phát thì kịp thời nhận được cảnh báo, chăm sóc y tế.

57. Câu hỏi 57: Mục tiêu Phát triển kinh tế số, góp phần thúc đẩy kinh tế nông thôn trong xây dựng nông thôn mới đến năm 2025?

Trả lời:

Theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Mục tiêu Phát triển kinh tế số, góp phần thúc đẩy kinh tế nông thôn trong xây dựng nông thôn mới đến năm 2025 là: Ít nhất 70% xã có các hợp tác xã, 70% cấp huyện có các mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực và 50% các mô hình liên kết gắn với vùng nguyên liệu có ứng dụng công nghệ số.

58. Câu hỏi 58: Mục tiêu Phát triển kinh tế số, góp phần thúc đẩy kinh tế nông thôn trong xây dựng nông thôn mới đến năm 2025?

Kinh tế số cho phép mỗi người dân có thể tiếp cận toàn bộ thị trường một cách nhanh chóng theo cách chưa từng có. Nếu như trước đây, người dân mang hàng ra chợ bán thì chỉ tiếp cận được vài chục đến vài trăm người trong khu vực

địa lý hạn chế của mình. Còn hiện nay, với thương mại điện tử, người dân có thể bán hàng cho hàng triệu người, trên toàn thế giới.

Mỗi người dân với một chiếc điện thoại thông minh, mỗi hộ gia đình một đường cáp quang là có thể trở thành một doanh nghiệp, là có thể tiếp cận cả thế giới.

59. Câu hỏi 59: Mục tiêu phát triển Xã hội số trong xây dựng nông thôn mới đến năm 2025?

Trả lời:

Theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Mục tiêu phát triển Xã hội số trong xây dựng nông thôn mới đến năm 2025 là: Có ít nhất 40% đơn vị (cấp xã, huyện) cung cấp ít nhất một dịch vụ thiết yếu (y tế, giáo dục, giám sát cộng đồng, an ninh trật tự, môi trường, văn hóa) và tổ chức lấy ý kiến phản hồi về sự hài lòng của người dân/cộng đồng về kết quả xây dựng nông thôn mới thông qua ứng dụng trực tuyến.

60. Câu hỏi 60: Chuyển đổi số trong xã hội là gì?

Trả lời:

Chuyển đổi số trong xã hội nhằm hình thành xã hội số. Xã hội số, xét theo nghĩa rộng, là bao trùm lên mọi hoạt động của con người. Động lực chính của xã hội số là công nghệ số, dựa trên sự tăng trưởng thông tin, dữ liệu một cách nhanh chóng, làm thay đổi mọi khía cạnh của tổ chức xã hội, từ chính phủ, kinh tế cho tới người dân. Xã hội số, xét theo nghĩa hẹp, gồm công dân số và văn hóa số. Theo nghĩa này, xã hội số, cùng với chính phủ số và kinh tế số tạo thành ba trụ cột của một quốc gia số.

61. Câu hỏi 61: Thế nào là chuyển đổi số lấy người dân là trung tâm?

Trả lời:

Điện thoại di động thông minh là phương tiện chính của người dân trong thế giới số, vì vậy, chuyển đổi số lấy người dân là trung tâm trước hết phải trang bị phương tiện cho người dân, thông qua việc thực hiện phổ cập điện thoại di động thông minh. Mỗi người dân một điện thoại thông minh. Mỗi hộ gia đình một đường cáp quang.

Lĩnh vực có tác động xã hội, liên quan hàng ngày tới người dân, thay đổi nhận thức nhanh nhất, mang lại hiệu quả, giúp tiết kiệm chi phí cần ưu tiên chuyển đổi số trước, bao gồm: Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính - Ngân hàng, Nông nghiệp, Giao thông vận tải, Năng lượng, Tài nguyên và Môi trường, Sản xuất công nghiệp.

Ứng dụng công nghệ thông tin, rời chuyển đổi số, đã đi qua những chặng đường phát triển khác nhau.

Thứ nhất là doanh nghiệp công nghệ có giải pháp, có ứng dụng đến chào hàng chính quyền, chính quyền xem xét mua và ứng dụng. Đây là giai đoạn mà nhà công nghệ, doanh nghiệp là người dẫn dắt.

Thứ hai là chính quyền hiểu công nghệ hơn, tin vào công nghệ hơn, và bắt đầu đặt ra các bài toán của chính quyền cho doanh nghiệp công nghệ để họ giải quyết bằng công nghệ. Người dẫn dắt là chính quyền.

Thứ ba là lấy người dân làm trung tâm, các bài toán chính quyền đặt ra là do lắng nghe từ người dân, xuất phát từ nhu cầu của người dân, mang lại giá trị cho người dân. Chính quyền đưa người dân vào trung tâm.

Thứ tư là sự tham gia của bốn bên ngay từ đầu, đó là người dân, chính quyền, nhà công nghệ và doanh nghiệp. Bốn bên này sẽ cùng bàn xem cái gì và cách nào để giải quyết các nhu cầu của người dân, của doanh nghiệp, của chính quyền.

Vậy cách tiếp cận đúng là, tất cả là vì sự phát triển bền vững, mọi việc luôn có sự bàn bạc của cả bốn bên ngay từ đầu.

62. Câu hỏi 62: Các nhiệm vụ triển khai Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025?

Trả lời:

Bao gồm các nhóm nhiệm vụ sau đây:

a) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy về chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới cho cấp ủy, chính quyền, cán bộ và cộng đồng dân cư.

- Đa dạng hóa các hình thức truyền thông trên nền tảng công nghệ số: Các cổng thông tin điện tử (website), mạng xã hội, bản tin, chuyên đề, tài liệu; đẩy mạnh gắn kết và lồng ghép với hoạt động tuyên truyền trong xây dựng nông thôn mới.

b) Đẩy mạnh xây dựng chính quyền số trong xây dựng nông thôn mới

- Tăng cường xây dựng và áp dụng hệ thống dịch vụ công trực tuyến liên thông, đồng bộ cấp tỉnh, huyện, xã; nâng cao dịch vụ phục vụ nhân dân sử dụng

dịch vụ công trực tuyến; tăng cường thực hiện cải cách hành chính gắn với chính phủ điện tử, dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3 - 4 ở cấp xã.

- Nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ viễn thông, hỗ trợ người dân sử dụng thiết bị công nghệ thông tin (mạng internet không dây (wifi) miễn phí khu vực trung tâm xã, các điểm sinh hoạt văn hóa ở cộng đồng, điểm du lịch nông thôn,...).

- Đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý, điều hành các cấp (huyện, xã), đặc biệt là quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn và các lĩnh vực kinh tế, y tế, giáo dục, văn hóa, môi trường.

- Tăng cường áp dụng công nghệ số trong công tác quản lý, tổ chức triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

- + Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong tổ chức triển khai, thông tin truyền thông, đào tạo và tập huấn trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đảm bảo đồng bộ, thống nhất từ trung ương đến địa phương (tỉnh, huyện, xã).

- + Ứng dụng phần mềm quản lý trực tuyến trong công tác: Lập kế hoạch, thẩm định, xét công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; hỗ trợ công tác quản lý, giám sát và đánh giá, phân hạng, sản phẩm OCOP và du lịch nông thôn; giám sát chất lượng môi trường, quản lý các nguồn chất thải, chất ô nhiễm và cấp nước sạch nông thôn.

c) Thúc đẩy kinh tế số trong phát triển kinh tế nông thôn

- Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong phát triển kinh tế nông thôn theo hướng kinh tế tuần hoàn và kinh tế số.

- Đẩy mạnh quá trình số hóa, xây dựng bản đồ số nông nghiệp nông thôn, cơ sở dữ liệu đồng bộ, thực hiện quản lý mã số vùng nguyên liệu, truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm nông nghiệp, nông thôn.

- Tăng cường ứng dụng trực tuyến, công nghệ thực tế ảo, thực tế ảo tăng cường trong công tác quảng bá, xúc tiến thương mại, thương mại điện tử cho các sản phẩm nông nghiệp, nông thôn.

d) Tập trung phát triển xã hội số trong xây dựng nông thôn mới

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong hoạt động lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.

- Hỗ trợ các tổ chức và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ số đầu tư, phát triển và cung cấp dịch vụ trực tuyến về y tế, giáo dục, văn hóa, xã hội, môi trường nông thôn ở các địa phương.

- Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân sử dụng các dịch vụ số và kỹ năng an toàn, trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet.

63. Câu hỏi 63: Các giải pháp thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025?

Trả lời:

Bao gồm các nhóm giải pháp sau đây:

a) Đào tạo và nâng cao năng lực về chuyển đổi số

- Biên soạn chương trình, tài liệu tập huấn về chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là các tài liệu hướng dẫn áp dụng chuyển đổi số.

- Tổ chức các hội nghị, các đợt tập huấn về kiến thức chuyển đổi số, khả năng tiếp cận thông tin cho các cơ quan quản lý nhà nước, cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp (trung ương, tỉnh, huyện, xã) và người dân, cộng đồng ở nông thôn.

- Tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng chuyên sâu về công nghệ thông tin, sử dụng dịch vụ số an toàn trên không gian mạng cho các doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức kinh tế ở khu vực nông thôn.

b) Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách

- Rà soát các nội dung, định mức hỗ trợ của Nhà nước về chuyển đổi số để đề xuất áp dụng trong xây dựng nông thôn mới thông minh; chính sách khuyến khích các tổ chức và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ số về các lĩnh vực (kinh tế, thương mại, y tế, giáo dục, văn hóa, du lịch,...) đầu tư vào khu vực nông thôn.

- Xây dựng kiến trúc, vận hành và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu số về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; ban hành quy chế, quy trình vận hành hệ thống phần mềm đánh giá, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới từ trung ương, cấp tỉnh, huyện, xã.

- Nghiên cứu, đề xuất Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới thông minh giai đoạn 2026 - 2030.

c) Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số và dữ liệu số

- Đẩy mạnh xã hội hóa trong phát triển hạ tầng và kết nối mạng internet đến cấp xã, thôn/bản (hạ tầng băng thông rộng chất lượng cao; hạ tầng mạng di

động 4G/5G; hạ tầng kết nối internet, hạ tầng kết nối IoT,...), nâng cao chất lượng và năng lực tiếp cận dịch vụ viễn thông của người dân; hạ tầng công nghệ để phát triển hệ thống thông tin điện tử trên các lĩnh vực: giáo dục, y tế, văn hóa, du lịch và thương mại điện tử.

- Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp nhằm cung cấp cho mỗi hộ dân nông thôn có ít nhất một điện thoại thông minh theo hình thức xã hội hóa.

- Xây dựng phương án tổng thể hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu, chuẩn hóa dữ liệu, hệ thống định danh gắn với đối tượng quản lý, giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Xây dựng dữ liệu số trong xây dựng nông thôn mới.

+ Bản đồ số về nông nghiệp, nông thôn, nông dân để chia sẻ và cung cấp dữ liệu mở về kết quả xây dựng nông thôn mới.

+ Bản đồ số về du lịch nông thôn để kết nối, giới thiệu và quảng bá sản phẩm du lịch nông thôn của Việt Nam.

+ Xây dựng hệ thống kiến trúc, chuẩn hóa dữ liệu, cập nhật cơ sở dữ liệu về nông thôn mới trên nền tảng dữ liệu lớn (Big data) đồng bộ, kết nối và liên thông.

+ Phần mềm ứng dụng trực tuyến phục vụ công tác thẩm định, xét công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới và tổ chức lấy ý kiến hài lòng của người dân.

+ Hệ thống quản lý, chia sẻ và khai thác về công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới.

d) Triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới

- Xây dựng thí điểm các mô hình: xã/thôn nông thôn mới thông minh gắn với lĩnh vực nổi trội ở các địa phương (quản lý quy hoạch xây dựng, kinh tế, y tế, giáo dục, văn hóa, an ninh trật tự, du lịch nông thôn...); mô hình chỉ đạo điểm của trung ương về xây dựng xã nông thôn mới thông minh theo danh sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Mô hình xã thương mại điện tử cho sản phẩm nông nghiệp, nông thôn chủ lực của địa phương (liên kết hợp tác giữa trung ương, địa phương, các doanh nghiệp thương mại điện tử, ngân hàng và người dân).

đ) Huy động nguồn lực triển khai Chương trình

- Tạo điều kiện, môi trường đầu tư thuận lợi để thu hút doanh nghiệp, tập đoàn viễn thông, công nghệ thông tin đầu tư về cơ sở hạ tầng số và kết nối mạng internet đến cấp xã, thôn/bản; hạ tầng công nghệ gắn với phát triển dịch vụ trên các lĩnh vực: Giáo dục, y tế, văn hóa, du lịch và thương mại điện tử.

- Huy động các nguồn lực tham gia thực hiện Chương trình, nhất là lồng ghép hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội, các nguồn huy động hợp pháp từ các thành phần kinh tế và người dân thực hiện chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh kêu gọi sự hỗ trợ về kỹ thuật, nguồn lực của các đối tác quốc tế trong lĩnh vực chuyển đổi số, xây dựng xã nông thôn mới thông minh.

64. Câu hỏi 64: Một số nhiệm vụ trọng tâm thuộc Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 được hướng dẫn thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Quyết định số 06/QĐ-BCĐTW-VPĐP ngày 12/10/2022 của BCĐ Trung ương các CTMTQG giai đoạn 2021-2025 ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm thuộc Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn thông minh giai đoạn 2021-2025 hướng dẫn như sau:

1. Tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức và năng lực về chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới

a) Đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền về chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới:

- Tổ chức các hoạt động tọa đàm, diễn đàn chuyên đề, các cuộc thi tìm hiểu về chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội, các sự kiện, hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới.

- Phối hợp với các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình tăng thời lượng, số lượng tin, bài phản ánh hoạt động chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới; giới thiệu những mô hình mới, cách làm hay về chuyển đổi số, góp phần làm cho người dân nông thôn hiểu lợi ích của việc tham gia vào quá trình chuyển đổi số sẽ phục vụ tốt hơn cho quá trình phát triển kinh tế và đời sống của mình.

- Phát động các phong trào, các đợt thi đua tham gia hoạt động chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới xây dựng nông thôn mới thông minh.

b) Tập huấn nâng cao nhận thức và năng lực về chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới:

- Biên soạn và phổ biến tài liệu hướng dẫn, tập huấn về chuyển đổi số, áp dụng chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là các tài liệu về phát huy vai trò của cộng đồng dân cư tham gia chuyển đổi số để góp phần xây dựng nông thôn mới hiệu quả, bền vững.

- Tổ chức các hội nghị, các đợt tập huấn, hướng dẫn các kiến thức, kỹ năng về công nghệ thông tin, chuyển đổi số (bao gồm cả thương mại điện tử), khả năng tiếp cận thông tin cho cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp (*Trung ương, tỉnh, huyện, xã*), doanh nghiệp, người dân và cộng đồng ở khu vực nông thôn.

- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn kỹ năng chuyên sâu về công nghệ thông tin, sử dụng dịch vụ số an toàn trên không gian mạng cho các doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức kinh tế ở khu vực nông thôn.

- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ khuyến nông cộng đồng ở cơ sở, để hình thành đội ngũ cộng tác viên hỗ trợ trực tiếp đến hộ dân tham gia hoạt động chuyển đổi số.

2. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, theo dõi, giám sát, thẩm định, công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới

a) Xây dựng Hệ thống kiến trúc, chuẩn hóa dữ liệu, cập nhật cơ sở dữ liệu về nông thôn mới trên nền tảng dữ liệu lớn đồng bộ, kết nối và liên thông từ cấp xã đến Trung ương để phục vụ công tác quản lý, hoạt động đánh giá, thẩm định địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; theo dõi, giám sát việc thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới các cấp và nhiệm vụ thuộc các Chương trình chuyên đề.

b) Lập Bản đồ số về kết quả xây dựng nông thôn mới, nhằm phục vụ công tác quản lý, tra cứu, tuyên truyền về kết quả triển khai xây dựng nông thôn mới trên cả nước theo Bộ tiêu chí nông thôn mới các cấp.

c) Xây dựng và triển khai phần mềm Lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trong xây dựng nông thôn mới ở các địa phương, nhằm tăng cường hơn nữa vai trò giám sát và phản biện của các tầng lớp Nhân dân đối với hoạt động xây dựng nông thôn mới.

d) Xây dựng và triển khai phần mềm phục vụ công tác thẩm định, xét công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới các cấp.

3. Thí điểm xây dựng các mô hình kinh tế số, mô hình thúc đẩy phát triển xã hội số, cộng đồng số liên thông với chính quyền cơ sở

a) Xây dựng thí điểm các mô hình kinh tế số nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế ở khu vực nông thôn, ưu tiên áp dụng chuyển đổi số về quản trị trong tổ chức sản xuất, quản lý vùng nguyên liệu, theo dõi, giám sát môi trường, kiểm soát chất lượng, truy xuất nguồn gốc, quảng bá và thương mại sản phẩm nông sản chủ lực của địa phương.

b) Xây dựng thí điểm các mô hình thúc đẩy phát triển xã hội số, nhằm nâng cao năng lực tiếp cận thông tin liên thông của người dân, cộng đồng gắn với công tác quản lý nhà nước của chính quyền cơ sở và dịch vụ công trực tuyến; các hoạt động quản lý cộng đồng, như: an ninh trật tự, môi trường, dịch vụ du lịch; các dịch vụ trực tuyến phục vụ đời sống người dân, như: văn hóa, giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe,...

4. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và các hướng dẫn liên quan đến chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới

a) Xây dựng tài liệu hướng dẫn thực hiện chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh gắn với việc thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới các cấp.

b) Rà soát và đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích, thúc đẩy chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới và nông thôn mới thông minh, nhằm phát huy vai trò của cộng đồng tham gia xây dựng nông thôn mới hiệu quả, bền vững.

c) Rà soát các nội dung, định mức hỗ trợ của Nhà nước về chuyển đổi số để đề xuất áp dụng trong xây dựng nông thôn mới thông minh.

d) Ban hành quy chế, quy trình vận hành phần mềm đánh giá, công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới ở các cấp, tổ chức thí điểm và nhân rộng nhằm từng bước đơn giản hóa, nâng cao hiệu quả hoạt động thẩm định, công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới của Hội đồng thẩm định ở các cấp.

đ) Tổng kết, đánh giá việc triển khai xây dựng thí điểm các mô hình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh, thành phố; nghiên cứu, đề xuất và trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới thông minh giai đoạn 2026 - 2030.

(Kế hoạch chi tiết được đính kèm theo Quyết định số 06/QĐ-BCĐTW-VPĐP ngày 12/10/2022 của BCD Trung ương các CTMTQG giai đoạn 2021-2025).

65. Câu hỏi 65: Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp như thế nào?

Trả lời:

Phát triển nền nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế.

Thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp phải dựa trên nền tảng dữ liệu. Tập trung xây dựng các hệ thống dữ liệu lớn của ngành như về đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy sản. Xây dựng mạng lưới quan sát, giám sát tích hợp trên không và mặt đất phục vụ các hoạt động nông nghiệp. Thúc đẩy cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai để người nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng, hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua các nền tảng số.

Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh; quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn, vệ sinh thực phẩm. Xem xét thử nghiệm triển khai sáng kiến “Mỗi nông dân là một thương nhân, mỗi hợp tác xã là một doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số” với mục tiêu mỗi người nông dân được định hướng, đào tạo ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, cung cấp, phân phối, dự báo (giá, thời vụ,...) nông sản, đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử trong nông nghiệp.

Thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong công tác quản lý để có các chính sách, điều hành kịp thời phát triển nông nghiệp như dự báo, cảnh báo thị trường, quản lý quy hoạch.

66. Câu hỏi 66: Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế như thế nào?

Trả lời:

Phát triển nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa để hỗ trợ người dân được khám, chữa bệnh từ xa, giúp giảm tải các cơ sở y tế, hạn chế tiếp xúc đông người, giảm nguy cơ lây nhiễm chéo; 100% các cơ sở y tế có bộ phận khám, chữa bệnh từ xa; thúc đẩy chuyển đổi số ngành y tế.

Xây dựng và từng bước hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số; ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh góp phần cải cách hành chính, giảm tải bệnh viện, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí, hình thành các bệnh viện thông minh; xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số, tích hợp thông tin, dữ liệu, hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế.

Thử nghiệm triển khai sáng kiến “Mỗi người dân có một bác sĩ riêng” với mục tiêu mỗi người dân có một hồ sơ số về sức khỏe cá nhân, trên cơ sở đó được bác sĩ tư vấn, chăm sóc cho từng người dân như là bác sĩ riêng, hình thành hệ thống

chăm sóc y tế số hoàn chỉnh từ khâu chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng đến điều trị.

Tạo hành lang pháp lý để tạo điều kiện cho khám chữa bệnh từ xa và đơn thuốc điện tử cho người dân, nhằm bảo đảm người dân có thể tiếp xúc bác sỹ nhanh, hiệu quả, giảm chi phí và thời gian vận chuyển bệnh nhân.

67. Câu hỏi 67: Chuyên đổi số trong lĩnh vực giáo dục như thế nào?

Trả lời:

Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa.

100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh, sinh viên học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình. Triển khai áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật, kinh doanh, doanh nghiệp, đào tạo tiếng Anh và kỹ năng sử dụng công nghệ số, bảo đảm an toàn, an ninh mạng tại các cấp học. Điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo ở bậc đại học, sau đại học và dạy nghề các công nghệ số cơ bản như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây và Internet vạn vật.

Cung cấp các khóa học đại trà trực tuyến mở cho tất cả người dân nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục nhờ công nghệ số, đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số. Phổ cập việc thi trực tuyến; công nhận giá trị của các chứng chỉ học trực tuyến; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập; phát triển các doanh nghiệp công nghệ phục vụ giáo dục hướng tới đào tạo cá thể hóa.

68. Câu hỏi 68: Thẩm quyền công nhận, thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025?

Trả lời:

Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025, quy định như sau:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận, thu hồi quyết định công nhận: Xã đạt chuẩn NTM, xã đạt chuẩn NTM nâng cao, xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

- Thủ tướng Chính phủ công nhận, thu hồi quyết định công nhận: Huyện đạt chuẩn NTM, huyện đạt chuẩn NTM nâng cao; thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

69. Câu hỏi 69: Điều kiện công nhận, thu hồi quyết định công nhận đối với các địa phương đạt chuẩn nông thôn mới?

Trả lời:

Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định:

1. Xã được công nhận đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu khi:

a) Đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của: Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2021 - 2025 (đối với xã NTM); Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 (đối với xã NTM nâng cao); Quy định xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025 (đối với xã NTM kiểu mẫu);

b) Không có nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn;

c) Có tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu của xã đáp ứng yêu cầu theo quy định;

d) Xã không phức tạp về an ninh, trật tự theo quy định của Bộ Công an.

2. Huyện được công nhận đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM khi:

a) Đáp ứng đầy đủ các điều kiện và mức đạt chuẩn theo yêu cầu của: Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM giai đoạn 2021 - 2025 (đối với huyện NTM); Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 (đối với huyện NTM nâng cao); quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025 (đối với thị xã, thành phố);

b) Không có nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn;

c) Có tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng NTM của cấp huyện đáp ứng yêu cầu theo quy định.

3. Cấp tỉnh được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM khi:

a) Đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo yêu cầu của Quy định cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025;

b) Không có nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn;

c) Có tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng NTM của cấp tỉnh đáp ứng yêu cầu theo quy định.

4. Xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu bị thu hồi quyết định công nhận khi có từ 30% đến dưới 50% số tiêu chí xã (trong đó có một trong các tiêu chí: Thu nhập; Môi trường và an toàn thực phẩm; Môi trường; Chất lượng môi trường sống; Quốc phòng và An ninh) hoặc có từ 50% số tiêu chí xã trở lên không đáp ứng mức đạt chuẩn theo yêu cầu của: Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2021 - 2025 (đối với xã NTM); Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 (đối với xã NTM nâng cao và xã NTM kiểu mẫu).

5. Huyện đã được công nhận đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao bị thu hồi quyết định công nhận khi:

a) Có từ 30% số xã trở lên bị thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn NTM;

b) Có từ 30% đến dưới 50% số tiêu chí huyện (trong đó có một trong các tiêu chí: Kinh tế; Môi trường; Chất lượng môi trường sống; Hệ thống chính trị - An ninh, trật tự - Hành chính công; An ninh, trật tự - Hành chính công) hoặc có từ 50% số tiêu chí huyện trở lên không đáp ứng mức đạt chuẩn theo yêu cầu của: Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM giai đoạn 2021 - 2025 (đối với huyện NTM); Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 (đối với huyện NTM nâng cao).

6. Thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh đã được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM bị thu hồi quyết định công nhận khi có từ 30% số xã trở lên bị thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn NTM.

7. Cấp tỉnh đã được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM bị thu hồi quyết định công nhận khi có từ 30% số xã và 30% số đơn vị cấp huyện trở lên bị thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn NTM hoặc hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

PHẦN II. HỎI ĐÁP CÁC NỘI DUNG, TIÊU CHÍ VỀ TIÊU CHÍ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

70. Câu hỏi 70: Các nội dung, tiêu chí xây dựng nông thôn mới lĩnh vực thông tin và truyền thông?

Trả lời:

Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 quy định các nội dung về thông tin và truyền thông trong Tiêu chí số 8 như sau:

Tiêu chí số 8 Thông tin và Truyền thông gồm: 8.1- Xã có điểm phục vụ bưu chính; 8.2- Xã có dịch vụ viễn thông, internet; 8.3- Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn; 8.4- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành (*Bộ Thông tin và Truyền thông công bố các chỉ tiêu cụ thể*).

71. Câu hỏi 71: Các nội dung, tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao lĩnh vực thông tin và truyền thông?

Trả lời:

Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định như sau:

Tiêu chí số 8 về nông thôn mới nâng cao gồm: 8.1- Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân; 8.2- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh; 8.3- Có dịch vụ báo chí truyền thông; 8.4- Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới; 8.5- Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...).

(Bộ Thông tin và Truyền thông công bố các nội dung từ 8.1-8.4; UBND tỉnh quy định cụ thể nội dung 8.5)

72. Câu hỏi 72: Quy định các nội dung về xã có điểm phục vụ bưu chính (nội dung 8.1) trong Tiêu chí số 8 về nông thôn mới như thế nào?

Trả lời:

Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ TTTT công bố các chỉ tiêu thuộc tiêu chí thông tin và truyền thông của bộ tiêu chí quốc

gia về xã nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025, quy định như sau:

1. Xã có điểm phục vụ bưu chính

Xã có điểm phục vụ bưu chính là xã có ít nhất một điểm phục vụ bưu chính đáp ứng được các điều kiện sau:

a) Về cơ sở vật chất:

- Có mặt bằng, trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính tại địa phương.

- Có treo biển tên điểm phục vụ.

- Niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ.

- Thời gian mở cửa phục vụ phải đảm bảo tối thiểu 4 giờ/ngày làm việc.

b) Về dịch vụ: Tại điểm phục vụ, đảm bảo cung cấp các dịch vụ:

- Dịch vụ thư có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến 02 kg.

- Dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 05 kg.

73. Câu hỏi 73: Quy định các nội dung về Xã có dịch vụ viễn thông, Internet (nội dung 8.2) trong Tiêu chí số 8 về nông thôn mới như thế nào?

Trả lời:

Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ TTTT quy định như sau:

Xã có dịch vụ viễn thông, Internet là xã đáp ứng được các điều kiện sau:

a) Tất cả các thôn, bản trên địa bàn xã có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng ít nhất một trong hai loại dịch vụ điện thoại: trên mạng viễn thông cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất và ít nhất một trong hai loại dịch vụ truy nhập Internet: trên mạng băng rộng cố định mặt đất hoặc trên mạng băng rộng di động mặt đất.

b) Dịch vụ viễn thông, Internet trên địa bàn xã phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

74. Câu hỏi 74: Quy định các nội dung về Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn, bản (nội dung 8.3) trong Tiêu chí số 8 về nông thôn mới như thế nào?

Trả lời:

Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ TTTT quy định như sau:

Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn, bản là xã đáp ứng được các điều kiện sau:

a) Xã có đài truyền thanh theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Có ít nhất 2/3 số thôn, bản trong xã có hệ thống loa hoạt động

75. Câu hỏi 75: Quy định các nội dung về Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành (nội dung 8.4) trong Tiêu chí số 8 về nông thôn mới như thế nào?

Trả lời:

Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ TTTT quy định như sau:

Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành là xã đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Tỷ lệ máy vi tính/số cán bộ, công chức của xã đạt tối thiểu 50%;

b) Xã có sử dụng ít nhất 04 phần mềm ứng dụng sau:

- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

- Hệ thống thư điện tử chính thức của cơ quan nhà nước.

- Hệ thống một cửa điện tử.

- Cổng/trang thông tin điện tử có chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

c) Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt tối thiểu 30%.

76. Câu hỏi 76: Quy định các nội dung về Điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân (nội dung 8.1) trong Tiêu chí số 8 về nông thôn mới nâng cao như thế nào?

Trả lời:

Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ TTTT quy định như sau: Ngoài việc đáp ứng các điều kiện của xã đạt chuẩn, điểm phục vụ bưu chính tại xã phải có khả năng phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân.

77. Câu hỏi 77: Quy định các nội dung về Thuê bao sử dụng điện thoại thông minh (nội dung 8.2) trong Tiêu chí số 8 về nông thôn mới nâng cao như thế nào?

Trả lời:

Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ TTTT quy định như sau: Xã có tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt: Tối thiểu 50% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo; Tối thiểu 80% đối với các xã còn lại.

78. Câu hỏi 78: Quy định các nội dung về Dịch vụ báo chí, truyền thông (nội dung 8.3) trong Tiêu chí số 8 về nông thôn mới nâng cao như thế nào?

Trả lời:

Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ TTTT quy định như sau:

a) 100% thôn của xã khu vực đồng bằng có hệ thống loa hoạt động thường xuyên; 90% thôn, bản của xã khu vực miền núi có hệ thống loa hoạt động thường xuyên;

b) 100% số thôn trong xã có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet;

c) Có ít nhất một điểm cung cấp xuất bản phẩm.

79. Câu hỏi 79: Quy định các nội dung về Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội (nội dung 8.4) trong Tiêu chí số 8 về nông thôn mới nâng cao như thế nào?

Trả lời:

Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ TTTT quy định như sau:

a) Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt tối thiểu 50%.

b) Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin đạt: Tối thiểu 80% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo và 100% đối với các xã còn lại;

c) Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt: Tối thiểu 50% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo; Tối thiểu 70% đối với các xã còn lại;

d) 100% sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử;

đ) 100% hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ.

80. Câu hỏi 80: Nội dung Xã có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...) (nội dung 8.5) trong Tiêu chí số 8 về nông thôn mới nâng cao được UBND tỉnh Nghệ An quy định như thế nào?

Trả lời:

Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của UBND tỉnh Nghệ An quy định các nội dung, tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Nghệ An, quy định như sau:

a) Địa điểm có mạng wifi: Các điểm bắt buộc phải có mạng wifi: UBND xã, Nhà văn hóa xã, Trạm Y tế; Các điểm công cộng khuyến khích có mạng wifi miễn phí: Trường học, nhà văn hóa thôn, các điểm du lịch cộng đồng, khu vui chơi giải trí công cộng, chợ, các cơ sở tôn giáo (chùa, nhà thờ) và các địa điểm khác do địa phương đề xuất.

b) Mạng wifi phải đáp ứng chất lượng dịch vụ, các điều kiện kỹ thuật khai thác và bảo đảm an toàn thông tin theo các quy định hiện hành.

81. Câu hỏi 81: Các loại điểm phục vụ bưu chính đáp ứng các bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới?

Trả lời:

Điểm phục vụ bưu chính đáp ứng các bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới phải là điểm phục vụ có người phục vụ, bao gồm các loại điểm sau đây: Bưu cục, Điểm Bưu điện – Văn hóa xã, Đại lý Bưu điện và các hình thức khác do ngành bưu điện quy định. Các điểm phục vụ phải đáp ứng về cơ sở vật chất, dịch vụ theo quy định của ngành bưu chính và yêu cầu theo các Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, trong đó lưu ý một số nội dung như:

- Có mặt bằng, trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính tại địa phương: Mặt bằng được cấp, mượn hoặc thuê hợp pháp như: có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hợp đồng hoặc văn bản cho thuê, mượn,...; khuôn viên, nhà cửa sạch sẽ, bảo đảm mỹ quan; có trang bị các thiết bị tối thiểu theo quy định của ngành bưu chính.

Đối với xã đạt chuẩn NTM nâng cao, điểm phục vụ bưu chính còn phải trang bị hệ thống máy tính có kết nối internet, máy quét (scan).

- Niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ: Thông tin về dịch vụ bưu chính: Bảng giá cước đổi

với từng dịch vụ; Quy trình giải quyết khiếu nại; Danh mục hàng cấm gửi; Thủ tục hành chính nếu cung cấp dịch vụ tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính,...

- Đối với xã đạt chuẩn NTM nâng cao, Nhân viên điễm phục vụ được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến để hỗ trợ, hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

82. Câu hỏi 82: Đối với đài truyền thanh xã và hệ thống loa đến các thôn, ngoài các quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT thì phải lưu ý nội dung gì?

Trả lời:

Hướng dẫn số 1246/HD-STTTT ngày 02/8/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn Thực hiện các nội dung Tiêu chí thông tin và truyền thông trong các Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, hướng dẫn một số nội dung đối với đài truyền thanh xã như sau:

- Đối với đài truyền thanh không dây FM: Máy phát phải có tần số nằm trong dải tần số 54-68MHz, có Giấy phép sử dụng tần số do Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực VI cấp đang còn hiệu lực. Thiết bị máy phát phải có Giấy chứng nhận hợp quy, dán tem hợp quy theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Đối với đài truyền thanh xã dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông: thực hiện theo Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24/11/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông.

83. Câu hỏi 83: Tỷ lệ máy vi tính/số cán bộ, công chức của xã đạt phải đạt bao nhiêu % trong nội dung 8.4 Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành của Bộ tiêu chí nông thôn mới?

Trả lời:

Theo Hướng dẫn số 1246/HD-STTTT ngày 02/8/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông: Tỷ lệ máy vi tính/số cán bộ, công chức của xã đạt 100%.

84. Câu hỏi 84: Công/trang thông tin điện tử có chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến của xã cần phải lưu ý các nội dung cơ bản gì?

Trả lời:

- Yêu cầu về công/trang thông tin điện tử; những thông tin chủ yếu của công/trang thông tin điện tử phải đáp ứng khoản 1, khoản 2 Điều 28 Luật Công nghệ thông tin;

- Việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến thực trên Trang thông tin điện tử của xã thực hiện theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

- Tích hợp đường dẫn (link) các phần mềm có kết nối internet phục vụ quản lý, điều hành của xã.

85. Câu hỏi 85: Cấu trúc tên miền của Cổng/Trang thông tin điện tử cấp xã như thế nào?

Trả lời:

Cấu trúc tên miền của Cổng/Trang thông tin điện tử cấp xã có cấu trúc tên miền cấp 5 như sau: “*tenxa.tenhuyen.tentinh.gov.vn*”. Ví dụ: Cổng/Trang thông tin điện tử xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An có cấu trúc tên miền như sau: “*kimlien.namdan.nghean.gov.vn*”.

86. Câu hỏi 86: Các sản phẩm OCOP có thể giới thiệu, quảng bá trên các nền tảng sàn thương mại điện tử nào?

Trả lời:

Các sản phẩm OCOP có thể được giới thiệu trên các sàn thương mại điện tử như: *posrtmart.vn* của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam; *voso.vn* của Tổng Công ty Bưu chính Viettel; *37nghean.com* của tỉnh Nghệ An (do Sở Công thương quản lý) hoặc các sàn TMĐT khác như *Lazada, Shopee, Tiki,..*

Các tổ chức, cá nhân có sản phẩm OCOP có thể liên hệ các bưu cục, địa điểm kinh doanh bưu chính gần nhất để được tư vấn, hỗ trợ đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử.

87. Câu hỏi 87: Địa chỉ số là gì? Đối tượng nào được gán địa chỉ số?

Trả lời:

Quyết định số 392/QĐ-BTTTT ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt kế hoạch phát triển nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số, nêu khái niệm:

- Địa chỉ số là tập hợp thông tin nhằm xác định vị trí, tọa độ của một địa danh hoặc một đối tượng bất kỳ gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Đối tượng được gán địa chỉ số).

- Đối tượng được gán địa chỉ số (gọi tắt là đối tượng) là nhà ở, trụ sở, cơ sở sản xuất kinh doanh, công trình xây dựng, địa danh hoặc bất cứ cấu trúc vật lý gắn liền với đất nào cần xác định vị trí để phục vụ nhu cầu đa dạng của người dân, doanh nghiệp, nhà nước và toàn xã hội. Các nhóm đối tượng gán địa chỉ số gồm: Nhà ở cá nhân, hộ gia đình; Trụ sở cơ quan, tổ chức; Các cơ sở dân sinh, kinh tế - xã hội; Các công trình giao thông, xây dựng; Các khu, phân khu, lô đất, thửa đất; Các đối tượng khác.

88. Câu hỏi 88: Cấu trúc địa chỉ số như thế nào?

Trả lời:

Địa chỉ số bao gồm Mã địa chỉ số và các trường thông tin địa chỉ số

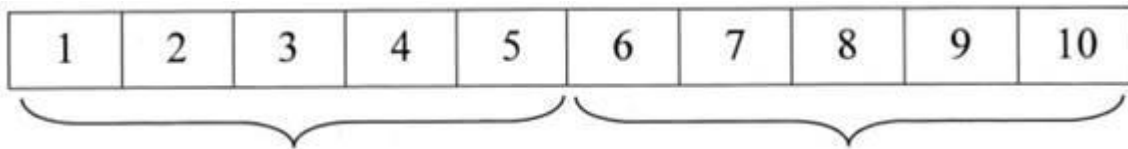
2.1. Mã địa chỉ số: gồm tập hợp 10 (mười) ký tự số, xác định đối tượng được gán địa chỉ số, cụ thể:

- Năm (05) ký tự số đầu gọi là Mã khu vực, xác định đơn vị hành chính cấp phường, xã và đơn vị hành chính tương đương.

- Năm (05) ký tự số tiếp theo gọi là Mã mở rộng, được gán ngẫu nhiên đến từng Đối tượng cụ thể.

Cấu trúc Mã địa chỉ số thể hiện trong hình sau:

Cấu trúc địa chỉ số



Mã khu vực

(tổ hợp 0-9, gán đến đơn vị hành chính cấp xã)

Mã mở rộng

(tổ hợp 0-9, gán ngẫu nhiên tới từng địa chỉ vật lý cụ thể trong phạm vi khu vực)

Được gán đến từng đơn vị hành chính cấp phường/xã.

Được gán đến từng nhà ở, trụ sở, công trình, địa điểm cần gán địa chỉ. Duy nhất cho mỗi khu vực

2.2. Các trường thông tin địa chỉ số

a) Các trường thông tin cơ bản

(1) Tên hoặc dấu hiệu nhận biết Đối tượng: là tên, mã số (nếu có) hoặc miêu tả đặc điểm, dấu hiệu nhận biết của đối tượng được gán địa chỉ số.

(2) Địa chỉ hành chính hoặc khu vực hành chính của Đối tượng: là địa chỉ hành chính (nếu có) như số nhà, tên đường, ..., hoặc thông tin khu vực hành chính của Đối tượng (như thôn/xóm, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

(3) Loại đối tượng: thông tin về loại của Đối tượng được gán địa chỉ số theo quy định phân loại tại Phụ lục I Kế hoạch này.

(4) Tọa độ địa chỉ: là kinh độ, vĩ độ của vị trí cho phép tiếp cận Đối tượng được gán địa chỉ số từ đường giao thông (cổng vào, lối vào của Đối tượng); Trường hợp Đối tượng có cổng/cửa vào lớn thì lấy tọa độ vị trí trung tâm của cổng/cửa vào của Đối tượng làm tọa độ của địa chỉ.

b) Các trường thông tin nâng cao:

(1) Tên, số điện thoại di động, email của chủ sở hữu đối tượng được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình của cá nhân, hộ gia đình).

(2) Tên, số điện thoại di động, email của người đại diện theo pháp luật của tổ chức sở hữu đối tượng được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ trụ sở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc công trình thuộc sở hữu tập thể).

(3) Tên, số điện thoại di động, email của người đang sử dụng/quản lý đối tượng được gán địa chỉ số.

(4) Khuyến khích UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với doanh nghiệp phát triển nền tảng địa chỉ số nghiên cứu, bổ sung các trường thông tin nâng cao để tăng giá trị sử dụng Nền tảng địa chỉ số phù hợp nhu cầu khai thác, sử dụng và phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

89. Câu hỏi 89: Nguyên tắc gán địa chỉ số như thế nào?

Trả lời:

- Một Đối tượng nếu có nhiều lối tiếp cận (lối vào) khác nhau từ đường giao thông (ví dụ cổng trước, cổng sau của 1 ngôi nhà) thì có thể được gán nhiều địa chỉ số; mỗi địa chỉ tương ứng với một lối tiếp cận Đối tượng.

- Đối với Đối tượng có nhiều địa chỉ số (có nhiều lối tiếp cận/lối vào) thì trường thông tin về “Tên hoặc dấu hiệu nhận biết đối tượng” của mỗi địa chỉ số của Đối tượng đó cần ghi rõ thông tin phân biệt (ví dụ: cổng trước hoặc cổng sau của Tòa nhà xxx).

- Đối với loại Đối tượng có kết cấu theo chiều dài tiếp giáp dọc đường giao thông và có thể tiếp cận đối tượng từ bất cứ chỗ nào dọc đoạn đường giao thông đó (ví dụ 1 quả đồi, công viên có đường vòng quanh và không có hàng

rào) thì cách gán địa chỉ số cho Đối tượng áp dụng như đối với đường giao thông (đường phố, ngõ, ngách, ...), theo đó địa chỉ số của Đối tượng sẽ gồm địa chỉ điểm đầu, địa chỉ điểm cuối và địa chỉ các nút giao, cắt của con đường.

90. Câu hỏi 90: Xã đạt tiêu chí kiểu mẫu về chuyên đổi số phải đáp ứng các nội dung gì?

Trả lời:

- Là xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.
- Cơ sở vật chất về công nghệ thông tin đồng bộ, bảo đảm an toàn thông tin;
- Sử dụng hiệu quả, đạt chỉ tiêu hàng năm đối với các phần mềm dùng chung của tỉnh: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Một cửa điện tử, Chữ ký số;
- Có hệ thống đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông phủ sóng đến 100% các thôn, hoạt động ổn định;
- Có phòng họp trực tuyến bảo đảm các điều kiện kỹ thuật theo quy định;
- Tại các Trường học, Trạm y tế: Triển khai đầy đủ, hiệu quả các phần mềm theo hướng dẫn của ngành giáo dục, y tế phục vụ quản lý, dạy học và khám, chữa bệnh (có triển khai ứng dụng các phần mềm trực tuyến như dạy học trực tuyến, khám bệnh từ xa);
- Ít nhất 50% người trưởng thành trong xã có tài khoản thanh toán trực tuyến, có thể thanh toán các dịch vụ thiết yếu như điện, nước, viễn thông, học phí,...;
- 100% số thôn có các nhóm/tổ công nghệ số cộng đồng tương tác, tương trợ lẫn nhau).

91. Câu hỏi 91: Mô hình xã thông minh?

Trả lời:

Mô hình xã thông minh:

- Chính quyền xã thông minh: Chính quyền xã ứng dụng triệt để công nghệ số vào công tác quản lý nhằm nâng cao hiệu quả làm việc của chính quyền, tăng tính minh bạch trong các hoạt động của xã và để phục vụ người dân trong xã tốt hơn;
- Giao tiếp với người dân: hỗ trợ việc thay đổi cách thức chính quyền xã giao tiếp, tương tác với người dân thông qua các công cụ công nghệ số;

- Thương mại điện tử: hỗ trợ quảng bá, tiếp thị và bán các sản phẩm của địa phương trên môi trường mạng;

- Du lịch: thông qua ứng dụng công nghệ số để quảng bá, thu hút khách trong và ngoài nước đến với địa phương;

- Dịch vụ xã hội: ứng dụng công nghệ số để cung cấp các dịch vụ xã hội để phục vụ và hỗ trợ người dân tốt hơn, giúp người dân cảm nhận được sự chuyển đổi trong môi trường mình sinh sống so với trước đây (y tế, giáo dục, môi trường,...);

- Quảng bá – Thương hiệu: ứng dụng công nghệ số để hỗ trợ, quảng bá, xây dựng thương hiệu và hình ảnh về mô hình xã thông minh, thương hiệu cho các sản phẩm nông sản, du lịch của địa phương trên môi trường mạng.

92. Câu hỏi 92: Mô hình thôn thông minh?

Trả lời:

Mô hình thôn thông minh:

- Về thiết chế: Có hạ tầng internet cáp quang và thông tin di động 4G/5G bao phủ đến hộ gia đình; Có các nhóm/tổ công nghệ số cộng đồng tương tác, tương trợ lẫn nhau trong thôn; Có 100% nhà ở cá nhân, hộ gia đình trong thôn được gắn mã địa chỉ số trên nền tảng bản đồ số;

- Về con người: Cán bộ thôn có ứng dụng các nền tảng số để thông tin, tuyên truyền đến người dân trong thôn; Trên 70% người trưởng thành trong thôn có sử dụng điện thoại thông minh, được hướng dẫn, tập huấn, đào tạo các kỹ năng cài đặt, sử dụng các phần mềm, nền tảng số hỗ trợ cho việc tìm kiếm, tra cứu, trao đổi thông tin, thanh toán trực tuyến.

PHẦN III. CÁC NỘI DUNG HỎI ĐÁP KHÁC CÓ LIÊN QUAN

93. Câu hỏi 93: Mục tiêu và nội dung Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin và truyền thông cơ sở trong CT MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 được quy định như thế nào?

Trả lời:

Thông tư số 05/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định, hướng dẫn thực hiện nội dung 09 thuộc thành phần số 02 và nội dung 02 thuộc thành phần số 08 của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, quy định như sau:

1. Mục tiêu tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin và truyền thông cơ sở

a) Phát triển, hiện đại hóa hệ thống đài truyền thanh xã, có cụm loa đến các thôn, bản của xã;

b) Hiện đại hóa thiết bị kỹ thuật, số hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện của cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện.

2. Địa bàn thực hiện

Đối với thiết lập mới, nâng cấp các đài truyền thanh xã: Là các xã xây dựng nông thôn mới, trừ những xã thuộc các địa bàn sau đây (được thực hiện thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025):

a) Xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021-2025 (xã khu vực III) được ban hành theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

b) Xã đảo: Là các xã được Thủ tướng Chính phủ công nhận theo tiêu chí, điều kiện, thủ tục công nhận xã đảo theo quy định tại Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

c) Xã thuộc huyện đảo của các huyện, thành phố: Cô Tô, Vân Đồn, Cát Hải, Bạch Long Vĩ, Cồn Cỏ, Hoàng Sa, Lý Sơn, Trường Sa, Phú Quý, Côn Đảo, Kiên Hải, thành phố Phú Quốc.

3. Điều kiện thiết lập mới, nâng cấp đài truyền thanh xã và thiết bị kỹ thuật cho cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện

a) Đối với đài truyền thanh xã:

- Thiết lập mới đài truyền thanh cho các xã chưa có đài truyền thanh;

- Thay thế cụm loa có dây, không dây FM hư hỏng không còn sử dụng được sang cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông;

- Mở rộng hệ thống cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với thôn, bản trong xã chưa có cụm loa để đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin đến các hộ dân trong xã.

b) Đối với cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện:

Cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện chưa có các thiết bị kỹ thuật để số hóa sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

4. Nội dung, yêu cầu kỹ thuật, quy mô thiết lập mới, mở rộng đài truyền thanh xã, hệ thống cụm loa và trang thiết bị cho cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện

a) Đối với đài truyền thanh xã: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

Căn cứ tình hình thực tế, địa phương quyết định quy mô, số lượng cụm loa từng đài truyền thanh phù hợp; đảm bảo các đài truyền thanh xã có cụm loa đến các thôn, bản đáp ứng nội dung trong tiêu chí thông tin và truyền thông đối với xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

b) Đối với cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện chưa có thiết bị kỹ thuật để số hóa sản xuất nội dung truyền thông đa phương tiện, căn cứ tình hình thực tế phục vụ hoạt động sản xuất nội dung truyền thông đa phương tiện, các địa phương quyết định danh mục thiết bị cần đầu tư, mua sắm phù hợp, gồm: Máy tính (có khả năng cài đặt phần mềm biên tập chương trình truyền hình, biên tập chương trình phát thanh); phần mềm biên tập chương trình truyền hình; phần mềm biên tập chương trình phát thanh; máy quay phim chuyên dụng; máy thu âm chuyên dụng (máy ghi âm); máy ảnh và các thiết bị kỹ thuật cần thiết khác. Việc mua sắm thiết bị kỹ thuật phải phù hợp với yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ, nguồn lực; đảm bảo hiệu quả, tránh lãng phí.

94. Câu hỏi 94: Mục tiêu và nội dung Phát triển, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng số, chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn trong CT MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 được quy định như thế nào?

Trả lời:

Thông tư số 05/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định:

1. Mục tiêu

a) Phát triển, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng số, chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn nhằm đáp ứng yêu cầu về hiện đại hóa công nghệ thông

tin - truyền thông, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số quốc gia, chuyển đổi số khu vực nông thôn, đưa hoạt động của người dân lên môi trường mạng, bảo đảm an toàn, đồng bộ, kết nối liên ngành và liên vùng;

b) Phát triển các nền tảng số để phục vụ người dân khu vực nông thôn và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

2. Đối tượng thực hiện: Các địa phương tham gia thực hiện Chương trình.

3. Nội dung thực hiện

a) Phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng số trong phát triển nông nghiệp, nông thôn, bao gồm phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng (hạ tầng cáp quang, hạ tầng mạng di động thế hệ mới), hạ tầng kết nối Internet vạn vật (IoT)

- Phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng:

+ Phát triển hạ tầng cáp quang để kết nối tới tất cả các hộ nông dân;

+ Phủ sóng điện thoại di động thế hệ mới (4G, 5G) tới tất cả khu vực nông thôn.

- Phát triển hạ tầng kết nối Internet vạn vật (IoT)

Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) trong xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển nông thôn thông minh; ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp, bảo đảm triển khai hiệu quả, tránh chồng chéo, tận dụng tối đa hạ tầng của các tổ chức, cá nhân đã đầu tư.

b) Phát triển các nền tảng số để phục vụ người dân khu vực nông thôn

Phát triển các nền tảng số phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân (thuộc các lĩnh vực liên lạc, mua sắm, giải trí, sức khỏe, học tập, du lịch, đi lại, ăn uống) và các nền tảng số phục vụ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội (thuộc các lĩnh vực thương mại điện tử, vận tải, thanh toán điện tử, hợp đồng điện tử...).

c) Các nội dung chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Yêu cầu thực hiện

a) Đối với phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng: Phát triển hạ tầng băng rộng tốc độ cao (Gb/s) đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số khu vực nông thôn;

b) Phát triển hạ tầng kết nối Internet vạn vật (IoT) phù hợp với yêu cầu, đặc thù trong phát triển nông thôn thông minh tại từng địa phương;

c) Phát triển các nền tảng số để phục vụ người dân khu vực nông thôn đảm bảo tuân thủ các hướng dẫn, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định.

95. Câu hỏi 95: Mục tiêu và nội dung Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các dịch vụ hành chính công trong CT MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 được quy định như thế nào?

Trả lời:

Thông tư số 05/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định:

1. Mục tiêu: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng phục vụ chuyển đổi số nông thôn. Trong đó, đẩy mạnh kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu từ cơ sở dữ liệu các cấp; nâng cao chất lượng cung cấp thông tin, giải quyết các thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch, thuận tiện, cá thể hóa, giảm thời gian, chi phí khi thực hiện các thủ tục hành chính.

2. Đối tượng thực hiện: Các địa phương tham gia thực hiện Chương trình.

3. Nội dung thực hiện

a) Cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

- Phát triển các kênh cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước cho người dân, bảo đảm cung cấp kịp thời các thông tin phục vụ quản lý nhà nước tới người dân và phổ biến những thông tin hữu ích cho người dân để phục vụ xây dựng nông thôn mới;

- Phát triển các kênh cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước các cấp. Trong đó, tập trung phát triển hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh để tiếp nhận, giải quyết, theo dõi, đánh giá chất lượng thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các cấp.

b) Kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu

Kết nối các hệ thống thông tin phục vụ giải quyết thủ tục hành chính với các cơ sở dữ liệu của địa phương và của quốc gia để giảm thiểu giấy tờ cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục hành chính, bảo đảm người dân chỉ phải cung cấp dữ liệu một lần cho cơ quan nhà nước.

4. Yêu cầu thực hiện

- Việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng tuân thủ theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24

tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng và các văn bản hướng dẫn;

- Việc kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu tuân thủ theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

- Việc đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ công nghệ thông tin thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn.

96. Câu hỏi 96: Mục tiêu và nội dung Thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin cho cán bộ cấp xã trong CT MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 được quy định như thế nào?

Trả lời:

Thông tư số 05/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định:

1. Mục tiêu

Đảm bảo tỷ lệ cán bộ, công chức của xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin đạt: Tối thiểu 80% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo; tối thiểu 100% đối với các xã còn lại.

2. Đối tượng thực hiện

a) Thực hiện nhiệm vụ ở tất cả các xã; ưu tiên thực hiện đối với các xã thuộc địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo theo quy định của cấp có thẩm quyền;

b) Đối tượng thụ hưởng: Cán bộ, công chức cấp xã đang làm việc tại các xã.

3. Nội dung, quy mô thực hiện

a) Xây dựng khung chương trình bồi dưỡng, tập huấn về kỹ năng số; kiến thức cơ bản về an toàn thông tin; Xây dựng tài liệu, học liệu, bài giảng điện tử phục vụ bồi dưỡng, tập huấn (bao gồm nội dung giảng dạy và nội dung các câu hỏi phục vụ kiểm tra, đánh giá kết quả);

b) Phát triển, hoàn thiện nền tảng học trực tuyến mở đại trà;

c) Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn:

- Hình thức: Trực tuyến thông qua nền tảng;
- Thời gian tập huấn: Không quá 03 ngày/lớp.

d) Kết thúc quá trình bồi dưỡng, tập huấn, các cán bộ, công chức cấp xã sẽ thực hiện các bài kiểm tra để đánh giá chất lượng, hiệu quả đạt được sau khóa học, làm cơ sở để xác định mức độ hoàn thành chỉ tiêu.

97. Câu hỏi 97: Mục tiêu và nội dung Phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn trong CT MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 được quy định như thế nào?

Trả lời:

Thông tư số 05/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định:

1. Phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn đảm bảo mục tiêu đến năm 2025 tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức, kỹ năng số cơ bản tại tất cả các xã đạt trên 70%.

2. Đối tượng được phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin: Tất cả người dân ở khu vực nông thôn có nhu cầu, có khả năng tiếp cận, tìm hiểu kiến thức, kỹ năng số, ưu tiên người dân trong độ tuổi lao động, trong đó chú trọng phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số cho cán bộ của các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ hợp tác xã, cán bộ không chuyên trách thôn, bản, giáo viên các trường phổ thông trên địa bàn xã để làm lực lượng nòng cốt tiếp tục là nguồn nhân lực tổ chức phổ biến kiến thức, kỹ năng số cho thành viên của tổ chức và người dân.

3. Nội dung chương trình phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn gồm:

a) Kỹ năng khai thác, sử dụng các ứng dụng di động, nền tảng số, dịch vụ trực tuyến trên mạng Internet, như: cách lập tài khoản và sử dụng sàn thương mại điện tử, mạng xã hội, học trực tuyến và các nền tảng số khác; cách tìm kiếm, cài đặt, quản lý và trao đổi thông tin trên môi trường số thông qua các trang thông tin điện tử, ứng dụng di động, nền tảng số; hướng dẫn sử dụng các ứng dụng ngân hàng số (mobile banking), ví điện tử để thanh toán trực tuyến;

b) Kỹ năng sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, như: giới thiệu các dịch vụ công trực tuyến, hướng dẫn truy cập, tạo lập tài khoản, khai thác, sử dụng

dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công của địa phương;

c) Kiến thức cơ bản về an toàn thông tin mạng và kỹ năng tự bảo vệ, chống các nguy cơ mất an toàn thông tin mạng cho cá nhân; nhận diện một số hình thức lừa đảo trên mạng;

d) Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng máy tính, như: đăng ký và sử dụng email; kỹ năng gõ phím, sử dụng các ứng dụng (như word, excel,...), cài đặt và sử dụng các phần mềm; tạo và sắp xếp các thư mục,...;

đ) Kiến thức, kỹ năng cơ bản về chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số, trong đó chú trọng các nội dung phát triển kinh tế số, xã hội số nông nghiệp, nông thôn;

e) Tổng quan về các nội dung liên quan đến người dân trong các chương trình, kế hoạch, đề án của Nhà nước về thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số nông nghiệp, nông thôn (bao gồm kế hoạch của Trung ương, của địa phương);

g) Các kiến thức, kỹ năng số cơ bản khác.

Ngoài các nội dung nêu trên, tùy điều kiện thực tế, các địa phương căn cứ điều kiện và nhu cầu thực tế để bổ sung nội dung bồi dưỡng kiến thức về công nghệ thông tin phù hợp với các nhóm đối tượng.

4. Nội dung thực hiện

a) Xây dựng, bổ sung chương trình, bài giảng, tài liệu (in và điện tử) phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn cho các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này, phù hợp với từng nhóm đối tượng thụ hưởng tại khoản 2 Điều này;

b) Xây dựng, vận hành nền tảng công nghệ hoặc thuê dịch vụ công nghệ thông tin và trang thiết bị phục vụ phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn;

c) Tổ chức các lớp phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn:

- Giảng viên: Là những người có trình độ từ cao đẳng trở lên, am hiểu về nội dung chương trình, tài liệu bồi dưỡng và có khả năng phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số cho người dân, phù hợp với nhu cầu của từng địa phương;

- Thời gian và hình thức tổ chức phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn: Do các địa phương chủ động quyết định căn cứ nhu cầu và điều kiện thực tế.

Kết thúc mỗi đợt phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn, cơ quan tổ chức căn cứ tình hình thực tế có hình thức tổ chức, kiểm tra đánh giá chất lượng, hiệu quả đạt được sau khóa học để xác định mức độ hoàn thành chỉ tiêu.

d) Tổ chức các đoàn khảo sát, kiểm tra, đánh giá thực tế;

đ) Xây dựng các báo cáo; tổ chức sơ kết, tổng kết công tác phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân khu vực nông thôn;

e) Thiết lập tổng đài tư vấn hoặc trợ lý ảo để hỗ trợ, tư vấn giải đáp thông tin kỹ năng số cho người dân nông thôn.

98. Câu hỏi 98: Mục tiêu và nội dung Gán mã, cập nhật, thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bản đồ số Việt Nam trong CT MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 được quy định như thế nào?

Trả lời:

Thông tư số 05/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định:

1. Mục tiêu: Đến năm 2025 mỗi hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ.

2. Nội dung thực hiện

a) Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật địa chỉ số để thu thập, tạo lập, gán mã, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số; triển khai các giải pháp quản lý khai thác, sử dụng địa chỉ số; đảm bảo an toàn thông tin cho nền tảng và cơ sở dữ liệu địa chỉ số;

b) Thiết kế biển địa chỉ số;

c) Thông báo địa chỉ số thông qua các hình thức như: văn bản, tin nhắn, thư điện tử, tại hội nghị, gặp trực tiếp chủ địa chỉ số hoặc người đang khai thác, sử dụng địa chỉ;

d) Tổ chức sản xuất và gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và nhu cầu của chủ địa chỉ;

đ) Thông tin, tuyên truyền về phát triển, sử dụng nền tảng địa chỉ số và các nội dung khác liên quan đến địa chỉ số;

e) Quản lý, giám sát việc triển khai nền tảng và cơ sở dữ liệu địa chỉ số.

99. Câu hỏi 99: Trong các phần mềm sau đây, phần mềm nào đã được tỉnh Nghệ An triển khai đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã?

- *Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (VNPT-Ioffice);*
- *Hệ thống thư điện tử chính thức của cơ quan nhà nước;*
- *Hệ thống một cửa điện tử;*
- *Cổng/trang thông tin điện tử có chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.*

Trả lời:

Ba phần mềm sau đây:

- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (VNPT-Ioffice);
- Hệ thống thư điện tử chính thức của cơ quan nhà nước;
- Hệ thống một cửa điện tử.

100. Câu hỏi 100: Các hình thức thanh toán trực tuyến phổ biến nào người dân có thể sử dụng?

Trả lời:

Căn cứ vào nhu cầu, địa bàn, người dân có thể lựa chọn các hình thức thanh toán trực tuyến cho các dịch vụ thiết yếu như thanh toán tiền điện, nước, viễn thông, nộp học phí, chuyển tiền,... bằng các hình thức như: Qua dịch vụ ngân hàng, ví điện tử, Mobile money. Các tổ chức, cá nhân có thể tạo mã QR, sử dụng mã QR để thuận tiện trong việc thanh toán trực tuyến.

101. Câu hỏi 101: Tổ công nghệ số cộng đồng là gì? Mục đích của Tổ công nghệ số cộng đồng?

Trả lời:

Chuyển đổi số bắt đầu từ người dân, lấy người dân làm trung tâm, làm cho người dân thấy công nghệ là thứ dễ dàng, thiết thực. Chuyển đổi số nếu tạo giá trị cho người dân, được người dân hưởng ứng, sử dụng thì chuyển đổi số sẽ đi vào cuộc sống, tạo nên cộng đồng số, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số; góp phần chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh.

Đưa nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số đến người dân thông qua Tổ

công nghệ số cộng đồng để thúc đẩy chuyển đổi số, đưa người dân lên môi trường số, người dân tiên phong sử dụng nền tảng số, công nghệ số, qua đó, trở thành tác nhân thúc đẩy chính quyền chuyển đổi số mạnh mẽ hơn.

Tổ công nghệ số cộng đồng là lực lượng mang tính huy động sức mạnh toàn dân, ở gần dân, sát dân và là cánh tay nối dài của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số từ tỉnh, huyện đến xã, phường, thị trấn, tổ, đội.

102. Câu hỏi 102: Thí điểm thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng như thế nào?

Trả lời:

Khuyến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố chỉ đạo Ủy ban nhân dân các quận/huyện, thành phố/thị xã giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn ban hành Quyết định thành lập Tổ Công nghệ số cộng đồng. Trong đó, mỗi thôn, bản, tổ dân phố có thể thành lập 01 Tổ công nghệ số cộng đồng; mỗi Tổ công nghệ số cộng đồng có thể gồm Trưởng thôn/bản, Tổ trưởng tổ dân phố và 02 nhân sự (khuyến nghị có sự tham gia của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh) có lòng nhiệt tình hoạt động cộng đồng, có tư duy muốn chấp nhận và thử nghiệm cái mới, có kỹ năng sử dụng nền tảng số, công nghệ số, có khả năng tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng công nghệ số.

103. Câu hỏi 103: Bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho Tổ công nghệ số cộng đồng như thế nào?

Trả lời:

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, các doanh nghiệp công nghệ số bồi dưỡng, tập huấn Tổ công nghệ số cộng đồng về các chủ trương, chính sách, pháp luật về chuyển đổi số; chuyển giao hướng dẫn cài đặt, sử dụng nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số (ví dụ: sử dụng dịch vụ công trực tuyến, gian hàng số, sàn thương mại điện tử, thanh toán điện tử, nền tảng trợ lý ảo, số sức khỏe điện tử, các nền tảng công nghệ phòng chống dịch và các nội dung khác theo từng thời kỳ).

Phương thức triển khai: Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn trực tiếp, hoặc trực tuyến, bồi dưỡng, tập huấn thường xuyên, nhiều lần để Tổ công nghệ số cộng đồng thành thạo các bước cài đặt, hướng dẫn sử dụng, hỗ trợ giải đáp thắc mắc về nền tảng số, công nghệ số để lan tỏa, hướng dẫn đến người dân.

104. Câu hỏi 104: Triển khai hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng như thế nào?

Trả lời:

a) Tuyên truyền, hướng dẫn người dân

Triển khai các nội dung để thực hiện nhiệm vụ được giao, cụ thể:

Thông tin, tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về chuyển đổi số đến các hộ gia đình, người dân trong thôn, bản, khu phố.

Về chính quyền số: hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; sử dụng các dịch vụ số và tương tác với chính quyền qua các nền tảng số được đánh giá và lựa chọn.

Về kinh tế số: hướng dẫn doanh nghiệp, hộ kinh doanh, người dân trên địa bàn đăng ký tham gia các sàn thương mại điện tử như “voso.vn”, “postmart.vn”,...; mở tài khoản thanh toán điện tử; hướng dẫn người dân sử dụng nền tảng số, công nghệ số để đăng ảnh, quảng bá sản phẩm, tạo gian hàng, nhận đơn, đóng gói sản phẩm và quan trọng nhất là cam kết cung cấp sản phẩm đúng chất lượng cho khách hàng; hướng dẫn ứng dụng công nghệ số trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

Về xã hội số: hướng dẫn người dân tiếp cận, cài đặt, sử dụng các dịch vụ số phục vụ cho các nhu cầu thiết yếu như y tế, giáo dục, chính sách xã hội, phòng chống dịch... thông qua các nền tảng số.

Phương thức triển khai: Tổ công nghệ số cộng đồng nhận chỉ tiêu về triển khai các nền tảng số và trực tiếp làm mẫu, bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn lại cho cá nhân, hộ gia đình trong thôn, bản, tổ dân phố (ví dụ như: Mở gian hàng số, cài ứng dụng số sức khỏe điện tử, ứng dụng PC – COVID, ứng dụng phản ánh hiện trường, dịch vụ công, thông tin đất đai,...). Tạo nhóm mạng xã hội Việt Nam (ví dụ: lập nhóm Zalo, Mocha, Gapo hoặc các mạng xã hội Việt Nam phổ biến khác) gồm tất cả các hộ gia đình/người dân trong thôn, bản, tổ dân phố để hỗ trợ, tương tác, hướng dẫn thường xuyên.

b) Báo cáo công tác triển khai

Tổ công nghệ số cộng đồng cập nhật và gửi báo cáo định kỳ, thường xuyên qua mạng, sử dụng các nền tảng số Việt Nam (ví dụ qua nhóm Zalo, Mocha, Gapo hoặc các nền tảng số Việt Nam phổ biến khác) kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ triển khai việc sử dụng nền tảng số, công nghệ số để

chính quyền các cấp nắm bắt, chỉ đạo và xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc.

105. Câu hỏi 105: Công tác quản lý, điều hành Tổ công nghệ số cộng đồng?

Trả lời:

Tổ công nghệ số cộng đồng được quản lý dựa trên các nền tảng số Việt Nam miễn phí và thông dụng như Zalo, Mocha, Gazo. Mỗi xã, phường, thị trấn tạo một nhóm chung bao gồm lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, các Tổ công nghệ số cộng đồng, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, phòng quản lý về CNTT - Sở Thông tin và Truyền thông và các doanh nghiệp tham gia triển khai. Sở Thông tin và Truyền thông sẽ trực tiếp tương tác, hướng dẫn hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng và các thành viên của Tổ, cùng chia sẻ cách làm hay, các trường hợp điển hình.

106. Câu hỏi 106: Cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo các mức độ nào?

Trả lời:

Theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng, Cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo 02 mức độ như sau:

a) Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: là dịch vụ bảo đảm cung cấp toàn bộ thông tin về thủ tục hành chính, việc thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính đều được thực hiện trên môi trường mạng. Việc trả kết quả được thực hiện trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Dịch vụ công trực tuyến một phần: là dịch vụ công trực tuyến không bảo đảm các điều kiện quy định tại điểm a) trên đây.

Cơ quan nhà nước ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số tối đa trong quá trình cung cấp và xử lý dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng trừ trường hợp tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ phải hiện diện tại cơ quan nhà nước hoặc cơ quan nhà nước phải đi thẩm tra, xác minh tại hiện trường theo quy định của pháp luật.

107. Câu hỏi 107: Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước phải đáp ứng các yêu cầu nào?

Trả lời:

Điều 28 Luật Công nghệ thông tin quy định Trang thông tin điện tử của

cơ quan nhà nước phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- a) Bảo đảm cho tổ chức, cá nhân truy nhập thuận tiện;
- b) Hỗ trợ tổ chức, cá nhân truy nhập và sử dụng các biểu mẫu trên trang thông tin điện tử (nếu có);
- c) Bảo đảm tính chính xác và sự thống nhất về nội dung của thông tin trên trang thông tin điện tử;
- d) Cập nhật thường xuyên và kịp thời thông tin trên trang thông tin điện tử;
- đ) Thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

108. Câu hỏi 108: Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước phải có những thông tin chủ yếu nào?

Trả lời:

Điều 28 Luật Công nghệ thông tin quy định Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước phải có những thông tin chủ yếu sau đây:

- a) Tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đó và của từng đơn vị trực thuộc;
- b) Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và văn bản pháp luật có liên quan;
- c) Quy trình, thủ tục hành chính được thực hiện bởi các đơn vị trực thuộc, tên của người chịu trách nhiệm trong từng khâu thực hiện quy trình, thủ tục hành chính, thời hạn giải quyết các thủ tục hành chính;
- d) Thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách, chiến lược, quy hoạch chuyên ngành;
- đ) Danh mục địa chỉ thư điện tử chính thức của từng đơn vị trực thuộc và cán bộ, công chức có thẩm quyền;
- e) Thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công;
- g) Danh mục các hoạt động trên môi trường mạng đang được cơ quan đó thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật này;
- h) Mục lấy ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân.

109. Câu hỏi 109: Đài Truyền thanh không dây FM hoạt động trong băng tần nào?

Trả lời:

Băng tần hoạt động của Đài truyền thanh không dây FM là 54-68MHz.

110. Câu hỏi 110: Cơ quan nào cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép sử dụng tần số cho đài truyền thanh không dây FM?

Trả lời:

Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục Tần số vô tuyến điện cấp (Tại Nghệ An là Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực VI.

– Địa chỉ: Đại lộ 3/2 – phường Hưng Dũng, Thành phố Vinh – tỉnh Nghệ An

– Điện thoại: 0238.33557660 / Fax: 0238.33849518

– E.mail: tt6@rfd.gov.vn

111. Câu hỏi 111: Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây FM?

Trả lời:

Điều 14 Thông tư 04/2021/TT-BTTTT ngày 13/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện quy định:

1. Hồ sơ cấp mới gồm Bản khai thông tin chung và bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo mẫu 1đ quy định tại Phụ lục II của Thông tư này.

2. Hồ sơ gia hạn giấy phép gồm bản khai thông tin chung và bản khai danh sách giấy phép đề nghị gia hạn theo mẫu quy định tại Phụ lục II của Thông tư này.

3. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

a) Bản khai theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tài liệu chứng minh nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép.

112. Câu hỏi 112: Đài truyền thanh không dây FM đang hoạt động trong băng tần 87-108MHz được sử dụng đến khi nào?

Trả lời:

- Không triển khai mới các hệ thống đài truyền thanh không dây FM trong băng tần 87-108MHz.

- Đối với Đài TTKD đang hoạt động trong băng tần 87-108MHz có Giấy phép sử dụng tần số hết hạn trước ngày 31/12/2025 thì ngừng phát sóng trên băng tần 87-108MHz khi giấy phép hết hạn.

- Đối với Đài TTKD đang hoạt động trong băng tần 87-108MHz có Giấy phép sử dụng tần số hết hạn sau ngày 31/12/2025 thì ngừng phát sóng trên băng tần 87-108MHz kể từ ngày 01/6/2025.

113. Câu hỏi 113: Đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông là gì?

Trả lời:

Đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông là đài truyền thanh cấp xã sử dụng phương thức truyền đưa tín hiệu âm thanh, dữ liệu trên hạ tầng viễn thông, Internet. Đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông là một thành phần của hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

114. Câu hỏi 114: Danh mục thành phần cơ bản của đài truyền thanh cấp xã ứng dụng CNTT-viễn thông bao gồm những thành phần nào?

Trả lời:

1. Thiết bị phần cứng bao gồm:

- a) Cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông;
- b) Thiết bị quản lý, lưu trữ thông tin và sản xuất chương trình phát thanh;
- c) Loa;
- d) Micro;
- đ) Các thiết bị, vật tư khác.

2. Phần mềm bao gồm:

- a) Phần mềm hệ thống phục vụ hoạt động của cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông;

b) Phần mềm của hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

115. Câu hỏi 115: Ưu điểm nổi trội của đài truyền thanh cấp xã ứng dụng CNTT-viễn thông so với đài truyền thanh truyền thống sử dụng công nghệ có dây/FM?

Trả lời:

- Vùng phủ sóng không phụ thuộc vào khoảng cách địa lý, ở đâu có sóng internet là có thể phủ sóng truyền thanh.
- Chuyển đổi văn bản thành giọng nói (Text-to-Speed). Chỉ cần tải văn bản vào hệ thống, phần mềm tự chuyển đổi thành giọng đọc. Có thể lựa chọn giọng Bắc, giọng Nam, giọng nữ, giọng nam theo yêu cầu.
- Chất lượng âm thanh cao hơn.
- Không cần xin cấp giấy phép tần số vô tuyến điện.
- Phòng máy gọn gàng do không sử dụng các loại máy phát công kênh.
- Có thể lập lịch phát sóng theo yêu cầu; cá thể hóa nội dung, âm lượng đến từng cụm loa,...

116. Câu hỏi 116: Có thể kết hợp được hai hệ thống có dây/FM với hệ thống đài truyền thanh ứng dụng CNTT-Viễn thông không?

Trả lời:

Có. Để thực hiện việc kết hợp hai hệ thống, cần sử dụng Bộ tích hợp tự động có các chức năng thỏa mãn các điều kiện theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT quy định về đài truyền thanh cấp xã ứng dụng CNTT-viễn thông.

117. Câu hỏi 117: Tại sao cần phải sử dụng mạng LAN để kết nối máy tính tại trụ sở UBND xã?

Trả lời:

1. Để bảo đảm an toàn thông tin
2. Để sử dụng được đường truyền số liệu chuyên dùng do tỉnh triển khai để vận hành các dịch vụ ứng dụng CNTT phục vụ chính quyền số.
3. Chất lượng dịch vụ ổn định.

118. Câu hỏi 118: Người dân khu vực nông thôn có thể thu xem được các loại truyền hình nào?

Trả lời:

1. Truyền hình số vệ tinh (sử dụng chảo thu và đầu thu vệ tinh).
2. Truyền hình Internet (internet cáp quang, internet 4G), sử dụng tivi hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet (4G/Wifi).
3. Truyền hình cáp (ở các khu vực được phủ cáp truyền hình).
4. Truyền hình số mặt đất (chủ yếu ở các huyện, thành, thị: Vinh, Cửa Lò, Hưng Nguyên, Nam Đàn, Nghi Lộc và một số xã của huyện khác lân cận các huyện trên).

119. Câu hỏi 119: Người dân có thể nộp hồ sơ thủ tục hành chính và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ Bru điện không?

Trả lời:

Có, tại các điểm Bru điện có triển khai dịch vụ.

120. Câu hỏi 120: Bộ Tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 yêu cầu có 100% thị trấn trên địa bàn đạt chuẩn đô thị văn minh. Tiêu chí để đánh giá và điều kiện xét công nhận thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh như thế nào?

Trả lời:

Điều 5 Quyết định số 04/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh quy định:

1. Tiêu chí đánh giá gồm:
 - a) Tiêu chí 1: Quy hoạch đô thị;
 - b) Tiêu chí 2: Giao thông đô thị;
 - c) Tiêu chí 3: Môi trường và an toàn thực phẩm đô thị;
 - d) Tiêu chí 4: An ninh, trật tự đô thị;
 - đ) Tiêu chí 5: Thông tin, truyền thông đô thị;
 - e) Tiêu chí 6: Việc làm, thu nhập bình quân, hộ nghèo ở đô thị;
 - g) Tiêu chí 7: Văn hóa, thể thao đô thị;
 - h) Tiêu chí 8: Y tế, giáo dục đô thị;
 - i) Tiêu chí 9: Hệ thống chính trị và trách nhiệm của chính quyền đô thị.

2. Điều kiện xét công nhận và công nhận lại:

- a) Có đăng ký phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh với Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- b) Đạt các tiêu chí tại quy định tại khoản 1 Điều này (nội dung đánh giá theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Quy định này);
- c) Thời gian đăng ký:
 - 02 năm, đối với công nhận lần đầu;
 - 05 năm, đối với công nhận lại.
- d) Có từ 90% trở lên người dân hài lòng và đồng ý đề nghị công nhận phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh.

121. Câu hỏi 121: Thẩm quyền công nhận, công nhận lại đô thị đạt chuẩn đô thị văn?

Trả lời:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận và công nhận lại đối với phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận và công nhận lại quận, thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh.

122. Câu hỏi 122: Tỉnh Nghệ An có bao nhiêu xã thực hiện xây dựng nông thôn mới?

Trả lời:

Trừ các phường, thị trấn, tỉnh Nghệ An hiện có 411 xã/460 xã, phường, thị trấn xây dựng nông thôn mới.

PHẦN I. HỎI ĐÁP NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI.....	3
1. Câu hỏi 1: Chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết nào?	3
2. Câu hỏi 2: Mục tiêu tổng quát của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trong Nghị quyết số 25/2021/QH15 của Quốc hội là gì?.....	3
3. Câu hỏi 3: Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trong Nghị quyết số 25/2021/QH15 của Quốc hội là gì?.	3
4. Câu hỏi 4: Phạm vi và thời gian thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trong Nghị quyết số 25/2021/QH15 của Quốc hội là gì?	4
5. Câu hỏi 5: Những nội dung trong Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Chính phủ là gì?	4
6. Câu hỏi 6: Mục tiêu tổng quát trong Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MQTG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 là gì?.....	5
7. Câu hỏi 7: Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 trong Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MQTG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 là gì?.....	5
8. Câu hỏi 8: Các nội dung thành phần của Chương trình NTM trong Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ?.....	6
9. Câu hỏi 9: Mục tiêu, nội dung của Nội dung thành phần số 01 trong Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ?.....	7
10. Câu hỏi 10: Mục tiêu, nội dung của Nội dung thành phần số 02 trong Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ?.....	8
11. Câu hỏi 11: Mục tiêu, nội dung của Nội dung thành phần số 03 trong Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ?.....	12
12. Câu hỏi 12: Mục tiêu, nội dung của Nội dung thành phần số 04 trong Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ?.....	14

13. Câu hỏi 13: Mục tiêu, nội dung của Nội dung thành phần số 05 trong Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ?..... 14
14. Câu hỏi 14: Mục tiêu, nội dung của Nội dung thành phần số 06 trong Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ?..... 15
15. Câu hỏi 15: Mục tiêu, nội dung của Nội dung thành phần số 07 trong Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ?..... 16
16. Câu hỏi 16: Mục tiêu, nội dung của Nội dung thành phần số 08 trong Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ?..... 17
17. Câu hỏi 17: Mục tiêu, nội dung của Nội dung thành phần số 09 trong Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ?..... 19
18. Câu hỏi 18: Mục tiêu, nội dung của Nội dung thành phần số 10 trong Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ?..... 19
19. Câu hỏi 19: Mục tiêu, nội dung của Nội dung thành phần số 11 trong Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ?..... 20
20. Câu hỏi 20: Dự kiến tổng mức vốn và cơ cấu nguồn lực thực hiện Chương trình NTM theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ? 21
21. Câu hỏi 21: Các giải pháp trọng tâm để thực hiện Chương trình theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ?..... 22
22. Câu hỏi 22: Trách nhiệm của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong thực hiện Chương trình theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ? 24
23. Câu hỏi 23: Bộ Tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trong Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ gồm những tiêu chí nào? 25
24. Câu hỏi 24: Bộ Tiêu chí quốc gia về nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trong Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ gồm những tiêu chí nào? 26
25. Câu hỏi 25: Xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-025 được quy định như thế nào? 26
26. Câu hỏi 26: Huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 được quy định như thế nào? 27
27. Câu hỏi 27: Thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 được quy định như thế nào?..... 27

28. Câu hỏi 28: Huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 được quy định như thế nào? 28
29. Câu hỏi 29: Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 được quy định như thế nào? .. 29
30. Câu hỏi 30: Mục tiêu chung của Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Nghệ An là gì? 30
31. Câu hỏi 31: Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 của Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Nghệ An là gì? 30
32. Câu hỏi 32: Các nội dung thành phần trong Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Nghệ An?..... 31
33. Câu hỏi 33: Mục tiêu, nội dung trong Nội dung thành phần số 01 Kế hoạch thực hiện CTMTQG xây dựng NTM của tỉnh Nghệ An?..... 32
34. Câu hỏi 34: Mục tiêu, nội dung trong Nội dung thành phần số 02 Kế hoạch thực hiện CTMTQG xây dựng NTM của tỉnh Nghệ An của tỉnh Nghệ An? .. 33
35. Câu hỏi 35: Mục tiêu, nội dung trong Nội dung thành phần số 03 Kế hoạch thực hiện CTMTQG xây dựng NTM của tỉnh Nghệ An của tỉnh Nghệ An? .. 37
36. Câu hỏi 36: Mục tiêu, nội dung trong Nội dung thành phần số 04 Kế hoạch thực hiện CTMTQG xây dựng NTM của tỉnh Nghệ An của tỉnh Nghệ An? .. 38
37. Câu hỏi 37: Mục tiêu, nội dung trong Nội dung thành phần số 05 Kế hoạch thực hiện CTMTQG xây dựng NTM của tỉnh Nghệ An của tỉnh Nghệ An? .. 39
38. Câu hỏi 38: Mục tiêu, nội dung trong Nội dung thành phần số 06 Kế hoạch thực hiện CTMTQG xây dựng NTM của tỉnh Nghệ An của tỉnh Nghệ An? .. 40
39. Câu hỏi 39: Mục tiêu, nội dung trong Nội dung thành phần số 07 Kế hoạch thực hiện CTMTQG xây dựng NTM của tỉnh Nghệ An của tỉnh Nghệ An? .. 41
40. Câu hỏi 40: Mục tiêu, nội dung trong Nội dung thành phần số 08 Kế hoạch thực hiện CTMTQG xây dựng NTM của tỉnh Nghệ An của tỉnh Nghệ An? .. 42
41. Câu hỏi 41: Mục tiêu, nội dung trong Nội dung thành phần số 09 Kế hoạch thực hiện CTMTQG xây dựng NTM của tỉnh Nghệ An của tỉnh Nghệ An? .. 43
42. Câu hỏi 42: Mục tiêu, nội dung trong Nội dung thành phần số 10 Kế hoạch thực hiện CTMTQG xây dựng NTM của tỉnh Nghệ An của tỉnh Nghệ An? .. 44
43. Câu hỏi 43: Mục tiêu, nội dung trong Nội dung thành phần số 11 Kế hoạch thực hiện CTMTQG xây dựng NTM của tỉnh Nghệ An của tỉnh Nghệ An? .. 45
44. Câu hỏi 44: Mục tiêu, nội dung trong Nội dung thành phần số 12 (Xây dựng huyện NTM kiểu mẫu Nam Đàn) trong Kế hoạch thực hiện CTMTQG xây dựng NTM của tỉnh Nghệ An của tỉnh Nghệ An? 46

45. Câu hỏi 45: Mục tiêu, nội dung trong Nội dung thành phần số 13 (Xây dựng NTM thôn, xóm, bản) trong Kế hoạch thực hiện CTMTQG xây dựng NTM của tỉnh Nghệ An của tỉnh Nghệ An? 46
46. Câu hỏi 46: Mục tiêu, nội dung trong Nội dung thành phần số 14 (Xây dựng Vườn chuẩn NTM) trong Kế hoạch thực hiện CTMTQG xây dựng NTM của tỉnh Nghệ An của tỉnh Nghệ An? 47
47. Câu hỏi 47: Bộ tiêu chí xây dựng thôn, xóm, bản đạt chuẩn nông thôn mới được quy định như thế nào? 47
48. Câu hỏi 48: Bộ tiêu chí Vườn đạt chuẩn nông thôn mới được quy định như thế nào? 47
49. Câu hỏi 49: Các nội dung, tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới do tỉnh Nghệ An quy định? 48
50. Câu hỏi 50: Các nội dung, tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao do tỉnh Nghệ An quy định? 48
51. Câu hỏi 51: Bộ Tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An bao gồm những nội dung nào (các nội dung do tỉnh quy định)? 48
52. Câu hỏi 52: Bộ Tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An gồm những nội dung nào (các nội dung do tỉnh quy định)? 49
53. Câu hỏi 53: Các quan điểm của Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ? 49
54. Câu hỏi 54: Mục tiêu tổng quát của Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025? 50
55. Câu hỏi 55: Mục tiêu phát triển chính quyền số trong xây dựng nông thôn mới đến năm 2025? 50
56. Câu hỏi 56: Chính phủ số đem lại lợi ích gì cho người dân? 51
57. Câu hỏi 57: Mục tiêu Phát triển kinh tế số, góp phần thúc đẩy kinh tế nông thôn trong xây dựng nông thôn mới đến năm 2025? 51
58. Câu hỏi 58: Mục tiêu Phát triển kinh tế số, góp phần thúc đẩy kinh tế nông thôn trong xây dựng nông thôn mới đến năm 2025? 51

59. Câu hỏi 59: Mục tiêu phát triển Xã hội số trong xây dựng nông thôn mới đến năm 2025?	52
60. Câu hỏi 60: Chuyển đổi số trong xã hội là gì?.....	52
61. Câu hỏi 61: Thế nào là chuyển đổi số lấy người dân là trung tâm?	52
62. Câu hỏi 62: Các nhiệm vụ triển khai Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025?	53
63. Câu hỏi 63: Các giải pháp thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025?	55
64. Câu hỏi 64: Một số nhiệm vụ trọng tâm thuộc Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 được hướng dẫn thực hiện như thế nào?	57
65. Câu hỏi 65: Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp như thế nào?	59
66. Câu hỏi 66: Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế như thế nào?	60
67. Câu hỏi 67: Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục như thế nào?.....	61
68. Câu hỏi 68: Thẩm quyền công nhận, thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025?.....	61
69. Câu hỏi 69: Điều kiện công nhận, thu hồi quyết định công nhận đối với các địa phương đạt chuẩn nông thôn mới?.....	62
PHẦN II. HỎI ĐÁP CÁC NỘI DUNG, TIÊU CHÍ VỀ TIÊU CHÍ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG.....	65
70. Câu hỏi 70: Các nội dung, tiêu chí xây dựng nông thôn mới lĩnh vực thông tin và truyền thông?.....	65
71. Câu hỏi 71: Các nội dung, tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao lĩnh vực thông tin và truyền thông?	65
72. Câu hỏi 72: Quy định các nội dung về xã có điểm phục vụ bưu chính (nội dung 8.1) trong Tiêu chí số 8 về nông thôn mới như thế nào?.....	65
73. Câu hỏi 73: Quy định các nội dung về Xã có dịch vụ viễn thông, Internet (nội dung 8.2) trong Tiêu chí số 8 về nông thôn mới như thế nào?	66
74. Câu hỏi 74: Quy định các nội dung về Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn, bản (nội dung 8.3) trong Tiêu chí số 8 về nông thôn mới như thế nào?	66

75. Câu hỏi 75: Quy định các nội dung về Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành (nội dung 8.4) trong Tiêu chí số 8 về nông thôn mới như thế nào?..... 67
76. Câu hỏi 76: Quy định các nội dung về Điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân (nội dung 8.1) trong Tiêu chí số 8 về nông thôn mới nâng cao như thế nào?..... 67
77. Câu hỏi 77: Quy định các nội dung về Thuê bao sử dụng điện thoại thông minh (nội dung 8.2) trong Tiêu chí số 8 về nông thôn mới nâng cao như thế nào? 67
78. Câu hỏi 78: Quy định các nội dung về Dịch vụ báo chí, truyền thông (nội dung 8.3) trong Tiêu chí số 8 về nông thôn mới nâng cao như thế nào?..... 68
79. Câu hỏi 79: Quy định các nội dung về Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội (nội dung 8.4) trong Tiêu chí số 8 về nông thôn mới nâng cao như thế nào?..... 68
80. Câu hỏi 80: Nội dung Xã có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...) (nội dung 8.5) trong Tiêu chí số 8 về nông thôn mới nâng cao được UBND tỉnh Nghệ An quy định như thế nào? 69
81. Câu hỏi 81: Các loại điểm phục vụ bưu chính đáp ứng các bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới? 69
82. Câu hỏi 82: Đối với đài truyền thanh xã và hệ thống loa đến các thôn, ngoài các quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT thì phải lưu ý nội dung gì? 70
83. Câu hỏi 83: Tỷ lệ máy vi tính/số cán bộ, công chức của xã đạt phải đạt bao nhiêu % trong nội dung 8.4 Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành của Bộ tiêu chí nông thôn mới?..... 70
84. Câu hỏi 84: Cổng/trang thông tin điện tử có chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến của xã cần phải lưu ý các nội dung cơ bản gì? 70
85. Câu hỏi 85: Cấu trúc tên miền của Cổng/Trang thông tin điện tử cấp xã như thế nào? 71
86. Câu hỏi 86: Các sản phẩm OCOP có thể giới thiệu, quảng bá trên các nền tảng sàn thương mại điện tử nào? 71
87. Câu hỏi 87: Địa chỉ số là gì?Đối tượng nào được gán địa chỉ số? 71
88. Câu hỏi 88: Cấu trúc địa chỉ số như thế nào? 72

89. Câu hỏi 89: Nguyên tắc gán địa chỉ số như thế nào?.....	73
90. Câu hỏi 90: Xã đạt tiêu chí kiểu mẫu về chuyển đổi số phải đáp ứng các nội dung gì?.....	74
91. Câu hỏi 91: Mô hình xã thông minh?	74
92. Câu hỏi 92: Mô hình thôn thông minh?.....	75
PHẦN III. CÁC NỘI DUNG HỎI ĐÁP KHÁC CÓ LIÊN QUAN.....	76
93. Câu hỏi 93: Mục tiêu và nội dung Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin và truyền thông cơ sở trong CT MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 được quy định như thế nào?	76
94. Câu hỏi 94: Mục tiêu và nội dung Phát triển, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng số, chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn trong CT MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 được quy định như thế nào?.....	77
95. Câu hỏi 95: Mục tiêu và nội dung Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các dịch vụ hành chính công trong CT MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 được quy định như thế nào?.....	79
96. Câu hỏi 96: Mục tiêu và nội dung Thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin cho cán bộ cấp xã trong CT MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 được quy định như thế nào?..	80
97. Câu hỏi 97: Mục tiêu và nội dung Phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn trong CT MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 được quy định như thế nào?.....	81
98. Câu hỏi 98: Mục tiêu và nội dung Gán mã, cập nhật, thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bản đồ số Việt Nam trong CT MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 được quy định như thế nào?.....	83
99. Câu hỏi 99: Trong các phần mềm sau đây, phần mềm nào đã được tỉnh Nghệ An triển khai đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã?.....	84
100. Câu hỏi 100: Các hình thức thanh toán trực tuyến phổ biến nào người dân có thể sử dụng?.....	84
101. Câu hỏi 101: Tổ công nghệ số cộng đồng là gì?Mục đích của Tổ công nghệ số cộng đồng?.....	84
102. Câu hỏi 102: Thí điểm thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng như thế nào?	85
103. Câu hỏi 103: Bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho Tổ công nghệ số cộng đồng như thế nào?.....	85

104. Câu hỏi 104: Triển khai hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng như thế nào? 86
105. Câu hỏi 105: Công tác quản lý, điều hành Tổ công nghệ số cộng đồng? 87
106. Câu hỏi 106: Cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo các mức độ nào?..... 87
107. Câu hỏi 107: Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước phải đáp ứng các yêu cầu nào?..... 87
108. Câu hỏi 108: Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước phải có những thông tin chủ yếu nào? 88
109. Câu hỏi 109: Đài Truyền thanh không dây FM hoạt động trong băng tần nào? 89
110. Câu hỏi 110: Cơ quan nào cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép sử dụng tần số cho đài truyền thanh không dây FM? 89
111. Câu hỏi 111: Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây FM? 89
112. Câu hỏi 112: Đài truyền thanh không dây FM đang hoạt động trong băng tần 87-108MHz được sử dụng đến khi nào?..... 90
113. Câu hỏi 113: Đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông là gì?..... 90
114. Câu hỏi 114: Danh mục thành phần cơ bản của đài truyền thanh cấp xã ứng dụng CNTT-viễn thông bao gồm những thành phần nào? 90
115. Câu hỏi 115: Ưu điểm nổi trội của đài truyền thanh cấp xã ứng dụng CNTT-viễn thông so với đài truyền thanh truyền thống sử dụng công nghệ có dây/FM? 91
116. Câu hỏi 116: Có thể kết hợp được hai hệ thống có dây/FM với hệ thống đài truyền thanh ứng dụng CNTT-Viễn thông không?..... 91
117. Câu hỏi 117: Tại sao cần phải sử dụng mạng LAN để kết nối máy tính tại trụ sở UBND xã?..... 91
118. Câu hỏi 118: Người dân khu vực nông thôn có thể thu xem được các loại truyền hình nào?..... 92
119. Câu hỏi 119: Người dân có thể nộp hồ sơ thủ tục hành chính và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ Bưu điện không?..... 92
120. Câu hỏi 120: Bộ Tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 yêu cầu có 100% thị trấn trên địa bàn đạt chuẩn đô thị văn minh. Tiêu chí để đánh

giá và điều kiện xét công nhận thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh như thế nào?	92
121. Câu hỏi 121: Thẩm quyền công nhận, công nhận lại đô thị đạt chuẩn đô thị văn?	93
122. Câu hỏi 122: Tỉnh Nghệ An có bao nhiêu xã thực hiện xây dựng nông thôn mới?	93